



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# CÔNG BÁO

*Thành phố Hồ Chí Minh*

Số 51

Ngày 15 tháng 9 năm 2013

## MỤC LỤC

Trang

### **PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**

#### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

- 30-8-2013 - Quyết định số 34/2013/QĐ-UBND ban hành Quy chế phối hợp trong quản lý nhà nước về đăng ký giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 3

### **PHẦN VĂN BẢN KHÁC**

#### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

- 26-8-2013 - Quyết định số 4586/QĐ-UBND về phê duyệt đề án nông thôn mới xã Long Hòa, huyện Cần Giờ giai đoạn 2013 - 2015. 13
- 29-8-2013 - Quyết định số 4684/QĐ-UBND về phê duyệt Đề án nông thôn mới xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn giai đoạn 2013 - 2015. 40

## Trang

- 30-8-2013 - Quyết định số 4722/QĐ-UBND về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Tổ công tác chỉ đạo và Tổ chuyên viên giúp việc Tổ công tác chỉ đạo thực hiện Đề án số hóa tài liệu Kho Lưu trữ của Chi cục Văn thư - Lưu trữ Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 1 (2013 - 2015). 64
- 31-8-2013 - Quyết định số 4737/QĐ-UBND về chấm dứt hiệu lực thi hành Quyết định số 49/2000/QĐ-UB-VX ngày 10 tháng 8 năm 2000 và Quyết định số 54/2006/QĐ-UBND ngày 10 tháng 4 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố. 74

# PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

## ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 34/2013/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 8 năm 2013*

### QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế phối hợp trong quản lý nhà nước  
về đăng ký giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất,  
tài sản gắn liền với đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm;

Căn cứ Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22 tháng 02 năm 2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm;

Căn cứ Nghị định số 83/2010/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm;

Căn cứ Nghị định số 05/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về đăng ký giao dịch bảo đảm, trợ giúp pháp lý, luật sư, tư vấn pháp luật;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 20/2011/TTLT-BTP-BTNMT ngày 18 tháng 11

năm 2011 của Bộ Tư pháp - Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 3088/TTr-STP ngày 19 tháng 8 năm 2013,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp trong quản lý nhà nước về đăng ký giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, Thủ trưởng các Sở, ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Hứa Ngọc Thuận**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY CHẾ**

**Phối hợp trong quản lý nhà nước về đăng ký giao dịch bảo đảm  
bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất  
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 34/2013/QĐ-UBND  
ngày 30 tháng 8 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

### **Chương I QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế này quy định mối quan hệ phối hợp giữa Sở Tư pháp, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Sở Thông tin và Truyền thông, Ngân hàng nhà nước chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân quận - huyện và các cơ quan có liên quan trong quản lý nhà nước về đăng ký giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (sau đây gọi là đăng ký giao dịch bảo đảm) trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

#### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Quy chế này áp dụng đối với Sở Tư pháp, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Sở Thông tin và Truyền thông, Ngân hàng nhà nước chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân quận - huyện và các cơ quan có liên quan trong hoạt động quản lý nhà nước về đăng ký giao dịch bảo đảm.

#### **Điều 3. Nguyên tắc phối hợp**

1. Thiết lập mối quan hệ phối hợp chặt chẽ và phân công trách nhiệm giữa các sở - ngành và Ủy ban nhân dân quận - huyện để nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước về đăng ký giao dịch bảo đảm.

2. Việc phối hợp quản lý nhà nước dựa trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các sở - ngành, Ủy ban nhân dân quận - huyện và các quy định pháp luật hiện

hành về đăng ký giao dịch bảo đảm, tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan hoàn thành nhiệm vụ, đảm bảo thời hạn giải quyết hồ sơ và đáp ứng yêu cầu của cá nhân, tổ chức.

## **Chương II**

### **NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG THỨC PHỐI HỢP**

#### **Điều 4. Thực hiện công tác quản lý nhà nước về đăng ký giao dịch bảo đảm**

Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các sở - ngành, Ủy ban nhân dân quận - huyện tham mưu giúp Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo, tổ chức thực hiện việc đăng ký và quản lý nhà nước về đăng ký giao dịch bảo đảm trên địa bàn thành phố.

#### **Điều 5. Tuyên truyền, phổ biến pháp luật, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ, chuyên môn về đăng ký giao dịch bảo đảm**

##### **1. Sở Tư pháp:**

a) Chủ trì xây dựng và ban hành Kế hoạch tuyên truyền, phổ biến pháp luật về đăng ký giao dịch bảo đảm;

b) Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố phối hợp với Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm - Bộ Tư pháp tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ, chuyên môn về hoạt động đăng ký giao dịch bảo đảm cho cán bộ làm công tác đăng ký giao dịch bảo đảm, công chứng viên và cán bộ của các tổ chức tín dụng.

##### **2. Các sở - ngành:**

a) Chủ động rà soát, tổng hợp và thông báo cho Sở Tư pháp về nhu cầu tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ, chuyên môn về công tác đăng ký giao dịch bảo đảm;

b) Phối hợp với Sở Tư pháp trong việc thực hiện Kế hoạch tuyên truyền, phổ biến pháp luật về đăng ký giao dịch bảo đảm; tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ, chuyên môn về hoạt động đăng ký giao dịch bảo đảm.

##### **3. Ủy ban nhân dân quận - huyện:**

a) Thực hiện các nội dung quy định tại Khoản 2 Điều này;

b) Chủ động tuyên truyền, phổ biến pháp luật về đăng ký giao dịch bảo đảm cho cá nhân, tổ chức có liên quan nhằm nâng cao sự hiểu biết, kiến thức pháp lý của người dân, doanh nghiệp về ý nghĩa, lợi ích của đăng ký giao dịch bảo đảm.

#### **Điều 6. Rà soát, thống kê các quy định pháp luật về đăng ký giao dịch bảo đảm**

1. Sở Tư pháp chủ trì xây dựng báo cáo trình Ủy ban nhân dân thành phố về việc rà soát, thống kê và đề xuất các kiến nghị nhằm hoàn thiện quy định pháp luật về đăng ký giao dịch bảo đảm.

2. Sở - ngành và Ủy ban nhân dân quận - huyện thường xuyên thực hiện rà soát các quy định pháp luật về đăng ký giao dịch bảo đảm do Hội đồng nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố ban hành trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình, để kịp thời phát hiện, kiến nghị bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới quy định có liên quan đến hoạt động đăng ký giao dịch bảo đảm và gửi thông báo về Sở Tư pháp.

### **Điều 7. Hướng dẫn nghiệp vụ**

#### **1. Sở Tư pháp:**

a) Hướng dẫn, chỉ đạo các tổ chức hành nghề công chứng thực hiện nghiêm chỉnh, đầy đủ các quy định của pháp luật về đăng ký giao dịch bảo đảm và các văn bản pháp luật khác có liên quan;

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn nghiệp vụ về hoạt động đăng ký giao dịch bảo đảm cho các Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất trên địa bàn thành phố, đảm bảo thực hiện thống nhất các quy định pháp luật về đăng ký giao dịch bảo đảm.

#### **2. Sở Tài nguyên và Môi trường:**

a) Chỉ đạo các Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất trên địa bàn thành phố thực hiện nghiêm chỉnh, đúng quy định pháp luật về đăng ký giao dịch bảo đảm và các quy định pháp luật có liên quan, đảm bảo việc tuân thủ nguyên tắc, trình tự, thủ tục đăng ký giao dịch bảo đảm, nghiêm ýt công khai, kịp thời cung cấp thông tin về tình trạng pháp lý của tài sản bảo đảm cho các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan theo quy định của pháp luật;

b) Phối hợp với Sở Tư pháp hướng dẫn nghiệp vụ về hoạt động đăng ký giao dịch bảo đảm cho các Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất trên địa bàn thành phố trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình.

#### **3. Ngân hàng nhà nước chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh:**

a) Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình chủ động thực hiện và phối hợp với Sở Tư pháp, Sở Tài nguyên và Môi trường, các cơ quan có liên quan trong hoạt động quản lý nhà nước về đăng ký giao dịch bảo đảm;

b) Chỉ đạo các tổ chức tín dụng trên địa bàn thành phố thực hiện nghiêm chỉnh các quy định pháp luật về đăng ký giao dịch bảo đảm.

### **Điều 8. Tổ chức họp giao ban**

Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, các cơ quan có liên quan định kỳ tổ chức họp giao ban với sự tham gia của đại diện các tổ chức hành nghề công chứng, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất, Cơ quan thi hành án dân sự, tổ chức tín dụng trên địa bàn thành phố, nhằm giải quyết, tháo gỡ những vướng mắc phát sinh trong hoạt động đăng ký giao dịch bảo đảm.

### **Điều 9. Cung cấp, chia sẻ thông tin về tình trạng pháp lý của tài sản**

#### **1. Mục đích cung cấp, chia sẻ thông tin:**

Việc cung cấp, chia sẻ thông tin về tình trạng pháp lý của tài sản theo yêu cầu của các cơ quan có liên quan nhằm để phục vụ cho công tác quản lý nhà nước về đăng ký giao dịch bảo đảm.

#### **2. Trách nhiệm cung cấp, chia sẻ thông tin:**

a) Sở Tư pháp cung cấp, chia sẻ thông tin liên quan đến tài sản bị ngăn chặn, giải tỏa trên Chương trình thông tin ngăn chặn do Sở Tư pháp quản lý; chỉ đạo các tổ chức hành nghề công chứng cung cấp thông tin về tài sản liên quan đến hợp đồng, giao dịch đã được công chứng tại các tổ chức hành nghề công chứng theo quy định pháp luật.

b) Sở Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố cung cấp, chia sẻ thông tin liên quan đến tài sản đã đăng ký và được lưu trữ trên Cơ sở dữ liệu về giao dịch bảo đảm; thông tin về nhà, đất, tài sản gắn liền với đất đã được cấp Giấy chứng nhận, cập nhật biến động lưu trữ tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố.

c) Ủy ban nhân dân quận - huyện chỉ đạo Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận - huyện cung cấp, chia sẻ thông tin liên quan đến tài sản bảo đảm; thông tin về nhà, đất, tài sản gắn liền với đất đã được cấp Giấy chứng nhận, cập nhật biến động lưu trữ tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận - huyện.

#### **3. Phương thức cung cấp, chia sẻ thông tin:**

Việc yêu cầu cung cấp, chia sẻ thông tin về tài sản được thực hiện dưới hình thức văn bản. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu cung cấp, chia sẻ thông tin, cơ quan nhận được yêu cầu phải trả lời bằng văn bản.



**Điều 10. Xây dựng chương trình cơ sở dữ liệu giao dịch bảo đảm**

Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp, Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan xây dựng chương trình cơ sở dữ liệu giao dịch bảo đảm phục vụ cho hoạt động quản lý và đăng ký giao dịch bảo đảm có chức năng kết nối đồng bộ dữ liệu giữa các Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất trên địa bàn thành phố; tiến tới kết nối, chia sẻ thông tin với Sở Tư pháp và các cơ quan có liên quan về chương trình cơ sở dữ liệu giao dịch bảo đảm.

**Điều 11. Kiểm tra, thanh tra công tác đăng ký giao dịch bảo đảm****1. Sở Tư pháp:**

a) Chủ trì xây dựng và ban hành Kế hoạch kiểm tra đột xuất hoặc định kỳ 06 tháng và hàng năm các Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất trên địa bàn thành phố về kết quả thực hiện đăng ký, cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất;

b) Giúp Ủy ban nhân dân thành phố phối hợp với Bộ Tư pháp thực hiện kiểm tra, thanh tra các Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất trên địa bàn thành phố.

**2. Các sở - ngành:**

a) Phối hợp với Sở Tư pháp thực hiện nội dung tại Khoản 1 Điều này;

b) Tham gia đoàn kiểm tra, thanh tra về công tác đăng ký giao dịch bảo đảm tại các Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất trên địa bàn thành phố.

**3. Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân quận - huyện:**

Sở Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố, Ủy ban nhân dân quận - huyện chỉ đạo Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận - huyện bố trí nhân sự trực tiếp làm việc với đoàn kiểm tra, thanh tra, cung cấp hồ sơ, thông tin liên quan đến hoạt động đăng ký giao dịch bảo đảm theo yêu cầu.

**Điều 12. Báo cáo tình hình tổ chức và hoạt động đăng ký giao dịch bảo đảm**

1. Sở Tư pháp chủ trì báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố về công tác đăng ký giao dịch bảo đảm trên địa bàn thành phố theo định kỳ 06 tháng và hàng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu.

**2. Các sở - ngành:**

a) Sở Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố thực hiện chế độ báo cáo theo định kỳ 06 tháng và hàng năm hoặc đột xuất

về công tác đăng ký giao dịch bảo đảm đúng thời gian quy định, gửi Sở Tư pháp đề tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố.

b) Các sở - ngành kịp thời báo cáo những khó khăn, vướng mắc liên quan đến công tác đăng ký giao dịch bảo đảm để Sở Tư pháp tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố.

### 3. Ủy ban nhân dân quận - huyện:

a) Chi đạo Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận - huyện thực hiện chế độ báo cáo theo định kỳ 06 tháng và hàng năm hoặc đột xuất về công tác đăng ký giao dịch bảo đảm tại địa phương đúng thời gian quy định, gửi Sở Tư pháp đề tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố;

b) Kịp thời báo cáo những khó khăn, vướng mắc liên quan đến công tác đăng ký giao dịch bảo đảm để Sở Tư pháp tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố.

### 4. Hình thức gửi báo cáo:

Báo cáo được thực hiện bằng hình thức văn bản và bằng tệp dữ liệu điện tử. Tệp dữ liệu điện tử được gửi để báo cáo phải là bản có cùng nội dung với báo cáo bằng văn bản.

### 5. Thời hạn gửi báo cáo:

a) Báo cáo gửi Sở Tư pháp đề tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố:

Đối với báo cáo 06 tháng: thời điểm lấy số liệu tính từ ngày 01 tháng 10 năm trước đến hết ngày 31 tháng 3 năm báo cáo. Thời hạn gửi báo cáo trước ngày 07 tháng 4 năm báo cáo.

Đối với báo cáo hàng năm: thời điểm lấy số liệu tính từ ngày 01 tháng 10 năm trước đến hết ngày 30 tháng 9 năm báo cáo. Thời hạn gửi báo cáo trước ngày 07 tháng 10 năm báo cáo.

b) Báo cáo gửi Ủy ban nhân dân thành phố:

Sở Tư pháp gửi báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố trước ngày 20 tháng 4 đối với báo cáo 06 tháng và trước ngày 20 tháng 10 đối với báo cáo hàng năm.

## **Điều 13. Kinh phí, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất**

1. Sở Tư pháp chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố bố trí đủ nguồn nhân lực, kinh phí để phục vụ cho hoạt động quản lý và đăng ký giao dịch bảo đảm trên địa bàn thành phố.

2. Sở Nội vụ phối hợp với Sở Tư pháp tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố bố trí đủ nguồn nhân lực phục vụ cho hoạt động quản lý và đăng ký giao dịch bảo đảm.

3. Sở Tài chính phối hợp với Sở Tư pháp tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố bố trí nguồn kinh phí cần thiết để phục vụ cho hoạt động quản lý và đăng ký giao dịch bảo đảm.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân quận - huyện:

a) Chủ trì đề xuất, phối hợp với Sở Tư pháp, Sở Nội vụ, Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố bổ sung nguồn nhân lực, kinh phí cần thiết phục vụ cho hoạt động đăng ký giao dịch bảo đảm;

b) Củng cố, kiện toàn tổ chức, bộ máy, cân đối nguồn nhân lực, kinh phí, cơ sở vật chất của các Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất;

c) Tuyển chọn và đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ đăng ký có trình độ, năng lực, đáp ứng yêu cầu công việc.

### **Chương III**

## **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 14. Khen thưởng, kỷ luật**

1. Căn cứ vào các quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng và tình hình thực tế của cơ quan, đơn vị, các sở - ngành, Ủy ban nhân dân quận - huyện có trách nhiệm lựa chọn các cá nhân, tổ chức có thành tích xuất sắc trong hoạt động đăng ký giao dịch bảo đảm để báo cáo, đề xuất cơ quan nhà nước có thẩm quyền khen thưởng.

2. Cán bộ làm công tác đăng ký giao dịch bảo đảm phải nghiêm chỉnh thực hiện các quy định pháp luật, có ý thức chấp hành kỷ luật lao động, nội quy, quy chế làm việc của cơ quan, đơn vị, trường hợp có vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định pháp luật.

3. Các sở - ngành, Ủy ban nhân dân quận - huyện có trách nhiệm thông báo kịp thời về kết quả xử lý vi phạm cho Sở Tư pháp để phối hợp thực hiện công tác quản lý nhà nước về đăng ký giao dịch bảo đảm.

#### **Điều 15. Điều khoản thi hành**

1. Sở Tư pháp:

a) Chủ động phối hợp với các sở - ngành và Ủy ban nhân dân quận - huyện triển khai thực hiện Quy chế này.

b) Theo dõi, đôn đốc các sở - ngành và Ủy ban nhân dân quận - huyện trong việc phối hợp thực hiện công tác quản lý nhà nước về đăng ký giao dịch bảo đảm.

c) Báo cáo kết quả thực hiện, đề xuất, kiến nghị Ủy ban nhân dân thành phố và Bộ Tư pháp các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước về đăng ký giao dịch bảo đảm.

**2. Các sở - ngành, Ủy ban nhân dân quận - huyện:**

a) Chủ động thực hiện nhiệm vụ phối hợp theo Quy chế này;

b) Nghiêm túc thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định.

c) Trong quá trình thực hiện Quy chế này, nếu có vấn đề vướng mắc, phát sinh thì các sở - ngành, Ủy ban nhân dân quận - huyện được phân công trách nhiệm phối hợp kịp thời, có văn bản gửi về Sở Tư pháp để Sở Tư pháp đề xuất, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố việc sửa đổi, bổ sung Quy chế cho phù hợp với tình hình thực tế và quy định của pháp luật hiện hành./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Hứa Ngọc Thuận**

## **PHẦN VĂN BẢN KHÁC**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4586/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 8 năm 2013*

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về phê duyệt đề án nông thôn mới xã Long Hòa, huyện Cần Giờ  
giai đoạn 2013 - 2015**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 24/2008/NQ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ về ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05 tháng 8 năm 2008 của Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới;

Căn cứ Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Thông tư số 54/2009/TT-BNNPTNT ngày 21 tháng 8 năm 2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện Bộ Tiêu chí quốc gia về nông thôn mới;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 13

tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Chương trình mục tiêu về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 10/2009/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành kế hoạch của Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện Chương trình hành động số 43-CTr/TU ngày 20 tháng 10 năm 2008 của Thành ủy về nông nghiệp, nông dân, nông thôn theo Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05 tháng 8 năm 2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X;

Căn cứ Quyết định số 5930/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt “Quy hoạch sản xuất nông nghiệp phát triển nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025”;

Căn cứ Quyết định số 20/2013/QĐ-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành cơ chế hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020;

Xét Tờ trình số 60/TTr-BQL, ngày 01 tháng 8 năm 2013 của Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã Long Hòa, huyện Cần Giờ về phê duyệt Đề án Nông thôn mới xã Long Hòa, huyện Cần Giờ giai đoạn 2013 - 2015, có phê duyệt của Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Cần Giờ; ý kiến khảo sát thực tế của Tổ Công tác giúp việc Ban chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố tại Thông báo số 421/TB-TCT-PTNT ngày 26 tháng 12 năm 2012; đề xuất của Liên Sở Tài chính - Kế hoạch và Đầu tư - Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình Liên Sở số 1527/TTr-NNPTNT-KHĐT-TC ngày 15 tháng 8 năm 2013 về phê duyệt đề án xây dựng nông thôn mới xã Long Hòa, huyện Cần Giờ, giai đoạn 2013 - 2015,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay phê duyệt đề án nông thôn mới xã Long Hòa, huyện Cần Giờ giai đoạn 2013 - 2015 (theo nội dung đề án đính kèm).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có phát sinh thay đổi về cơ chế, chính sách đầu tư xã nông thôn mới, Tổ Công tác giúp việc Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố phối hợp với Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Cần Giờ, Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Long Hòa nghiên cứu, đề xuất kịp thời điều chỉnh, bổ sung.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Thủ trưởng các sở, ngành thành phố, Trưởng Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Cần Giờ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ, Trưởng Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Long Hòa và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Long Hòa - huyện Cần Giờ có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Mạnh Hà**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **ĐỀ ÁN**

**Xây dựng nông thôn mới xã Long Hòa, huyện Cần Giờ  
giai đoạn 2013 - 2015**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 4586/QĐ-UBND  
ngày 26 tháng 8 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

### **Phần I**

## **THỰC TRẠNG NÔNG THÔN XÃ LONG HÒA - HUYỆN CẦN GIỜ**

### **I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN - DÂN SỐ LAO ĐỘNG**

#### **1. Đặc điểm tự nhiên**

Xã Long Hòa cách trung tâm huyện (thị trấn Cần Thạnh) khoảng 6,5km, cách trung tâm Thành phố Hồ Chí Minh khoảng 56km (đường bộ) và cách Thành phố Vũng Tàu khoảng 12km (đường biển); xã có đường bờ biển dài khoảng 10km (trung bình 50% tổng chiều dài bờ biển toàn huyện);

Có vị trí tiếp giáp như sau:

- Phía bắc giáp xã Tam Thôn Hiệp (đông bắc giáp xã Long Hòa)
- Phía nam giáp Thị trấn Cần Thạnh và Biển đông
- Phía tây giáp xã Lý Nhơn (qua sông Đồng Tranh) và cửa biển tây nam
- Phía đông giáp xã Thạnh An (qua sông Lòng Tàu) và cửa biển phía đông nam;

Diện tích tự nhiên: là 13.257,69ha (18,8% toàn huyện); trong đó:

- Đất nông nghiệp 8.806,2ha (chiếm 66,42%)
- Đất phi nông nghiệp 4.451,5ha (chiếm 35,6%)
- Đất chưa sử dụng khoảng 30ha (chiếm 0,24%)

#### **2. Dân số**

- Toàn xã có 2.811 hộ, tổng số nhân khẩu là 11.222 người, tỷ lệ tăng dân số tự



nhiên hàng năm ở mức dưới 1%. Tổng số lao động trong độ tuổi 7.121 người ( $\approx 62,9\%$ ). Xã Long Hòa có 4 ấp và 50 tổ nhân dân (các ấp gồm: ấp Long Thạnh, ấp Đồng Tranh, ấp Đồng Hòa và ấp Hòa Hiệp);

- Về dân tộc: gồm có các dân tộc Kinh (chiếm đa số với 2.728 hộ, với 10.921 nhân khẩu), dân tộc Hoa (68 hộ, với 232 nhân khẩu), dân tộc Khmer (8 hộ, với 20 nhân khẩu), dân tộc Chăm (6 hộ, với 24 nhân khẩu) và dân tộc Nùng (1 hộ, với chỉ 1 nhân khẩu).

- Về tôn giáo: Các tôn giáo gồm: Phật giáo; Công giáo; Cao đài; Tin lành, với 829 nhân khẩu (7,4%); trong đó Công giáo có 145 nhân khẩu (1,29%); Cao đài có 684 nhân khẩu (6,1%). Có 10 cơ sở thờ tự tôn giáo, tín ngưỡng dân gian.

## **II. ĐIỀU KIỆN KINH TẾ XÃ HỘI**

### **1. Quy hoạch**

Theo Quyết định số 5249/QĐ-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2006 - 2010) huyện Cần Giò, trong đó có phần quy hoạch của xã Long Hòa. Tuy nhiên, đây chỉ là quy hoạch mang tính chất định hướng chung, hiện nay đang xúc tiến lập kế hoạch sử dụng đất đến năm 2015 và quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020.

### **2. Hạ tầng kinh tế - xã hội**

#### **a) Giao thông**

Hiện tại xã có ba tuyến đường chính, gồm: tuyến đường Rừng Sác đoạn qua xã Long Hòa dài khoảng 14km, tuyến đường Duyên Hải - Long Thạnh - Đồng Hòa dài khoảng 13km, tuyến đường Long Thạnh - Thạnh Thới - Hòa Hiệp dài khoảng 3km. Hiện trạng hệ thống giao thông của xã (đường trục xã, liên xã; đường trục ấp, liên ấp; đường trục chính nội đồng...): khoảng 48,3km.

#### **b) Thủy lợi**

Hoạt động sản xuất ngành thủy sản của xã chủ yếu là khai thác tự nhiên, theo chế độ thủy triều (bán nhật triều); kể cả ngành diêm nghiệp cũng tổ chức sản xuất theo vụ mùa (mùa nắng) và sử dụng phương thức lấy nước thủ công... Để nâng quy mô và năng lực hoạt động của các bến thủy nội địa phục vụ sản xuất, khai thác thủy sản, vận chuyển vật tư, hàng hóa, dịch vụ du lịch cần phải nghiên cứu đầu tư vét luồng, tuyến phục vụ giao thông đường thủy (luồng vào bến Đồng Hòa, luồng vào bến Long Thạnh và luồng vào bến Hòa Hiệp).

## c) Điện

- Số trạm biến áp: 41, công suất 5.988KVA
- Đường dây trung thế: 30,964km
- Đường dây hạ thế: 18,084km
- Có 2.934/2.968 hộ có điện, đạt 99,16% có điện sinh hoạt và sản xuất (toàn xã được điện khí hóa 99,15%).

## d) Trường học: xã Long Hòa có 5 trường học, gồm:

- Trường Mẫu giáo Long Hòa: Gồm 1 điểm chính và 3 cơ sở phụ; có 10 nhóm lớp với 280 trẻ và 17 giáo viên; diện tích đất: 3.732m<sup>2</sup>; diện tích sân chơi, bãi tập: 780m<sup>2</sup>.
- Trường Tiểu học Đồng Hòa: Gồm 10 lớp, 324 học sinh, 14 giáo viên; diện tích đất: 7.070m<sup>2</sup>; diện tích sân chơi, bãi tập: 2.121m<sup>2</sup>.
- Trường Tiểu học Long Thạnh: Gồm 10 lớp, 310 học sinh, 14 giáo viên; diện tích đất: 17.000m<sup>2</sup>; diện tích sân chơi, bãi tập: 5.000m<sup>2</sup>.
- Trường Tiểu học Hòa Hiệp: Gồm 9 lớp, 238 học sinh, 12 giáo viên (Giáo viên đạt chuẩn: 12); diện tích đất: 3.287m<sup>2</sup>; diện tích sân chơi, bãi tập: 980m<sup>2</sup>.
- Trường Trung học cơ sở Long Hòa: Gồm 16 lớp, 606 học sinh, 33 giáo viên (Giáo viên đạt chuẩn: 33 giáo viên); diện tích đất: 8.170 m<sup>2</sup>; diện tích sân chơi, bãi tập: 2.451 m<sup>2</sup>.

## đ) Cơ sở vật chất văn hóa

- Xã Long Hòa có một Nhà văn hóa trung tâm (Long Thạnh) và hai khu sinh hoạt văn hóa - thể thao ấp (Đồng Hòa và Hòa Hiệp); riêng ấp Đồng Tranh chưa có điểm sinh hoạt văn hóa - thể thao; so với nhu cầu thực tế thì cơ sở vật chất phục vụ nhu cầu văn hóa - thể thao của xã còn thiếu (cả về trang thiết bị và nhân sự).
- Trụ sở Ủy ban nhân dân xã và các trụ sở Ban nhân dân ấp:
  - + Trụ sở Ủy ban nhân dân xã: diện tích đất sử dụng 1ha; giai đoạn I đã sử dụng 0,5ha, đầu tư xây dựng khối hành chính đủ phục vụ cho Khối đảng, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể.
  - + Ban nhân dân ấp Long Thạnh: sử dụng một phần diện tích Nhà văn hóa xã (xây dựng năm 2000);
  - + Ban nhân dân ấp Đồng Hòa: sử dụng một phần diện tích Điểm sinh hoạt văn hóa thể thao ấp Đồng Hòa (xây dựng năm 2008);

+ Ban nhân dân ấp Hòa Hiệp: sử dụng một phần diện tích Điểm sinh hoạt văn hóa thể thao ấp Hòa Hiệp (xây dựng năm 2000);

+ Ban nhân dân ấp Đồng Tranh: sử dụng nhà tạm cùng với công an khu vực hai ấp Đồng Hòa và Đồng Tranh. Đồng Tranh là duy nhất chưa được đầu tư xây dựng Điểm sinh hoạt văn hóa thể thao.

e) Chợ: xã có 4 chợ và 2 cửa hàng tự chọn:

- Chợ Hòa Hiệp 1.088m<sup>2</sup>, 42 quầy, chợ loại 3

- Chợ Đồng Hòa 273m<sup>2</sup>, 54 quầy, chợ loại 3

- Chợ Long Thạnh 246m<sup>2</sup>, 34 quầy, chợ loại 3

- Chợ Hàng Dương 1.200m<sup>2</sup>, 57 quầy, chợ loại 3

- Cửa hàng tự chọn tiện ích của Công ty cổ phần thương mại - dịch vụ Cần Giờ, 60m<sup>2</sup> (hoạt động từ tháng 7 năm 2011).

- Chi nhánh Hợp tác xã Thỏ Việt, 120m<sup>2</sup> (hoạt động từ tháng 7 năm 2011).

g) Bưu điện

- Xã có 3 bưu cục (Đồng Hòa, Long Thạnh và Hòa Hiệp) phục vụ cho nhu cầu thông tin liên lạc của nhân dân, doanh nghiệp, du khách.

- Toàn xã có 9 điểm truy cập Internet tư nhân tại 4 ấp (Đồng Tranh 3 điểm, Đồng Hòa 1 điểm, Long Thạnh 2 điểm và Hòa Hiệp 3 điểm). Cùng với sự phát triển của ngành công nghệ thông tin như hiện nay, các cơ quan, đơn vị và hộ gia đình có nhu cầu đều được sử dụng dịch vụ internet, công nghệ 3G... đến tại nơi ở và làm việc.

- Về hệ thống thông tin liên lạc: trên 85% hộ gia đình có sử dụng điện thoại cố định (khoảng 2.250 hộ); có trên 25% hộ gia đình có máy vi tính (đồng thời với kết nối Internet).

- Năm 2012 hệ thống truyền thanh không dây của xã (gồm 35 cụm loa) đã được nâng cấp và hoạt động với năng lực và chất lượng phục vụ cơ bản đáp ứng yêu cầu truyền tải thông tin và tuyên truyền của chính quyền đến người dân.

h) Nhà ở và dân cư nông thôn: tổng số căn nhà 2.728 căn, trong đó:

- Nhà đạt chuẩn (kiên cố và bán kiên cố): 1.448 căn, tỷ lệ 53,08%;

- Nhà chưa đạt chuẩn: 1.146 căn, tỷ lệ 42%;

- Nhà tạm, dột nát: 134 căn, tỷ lệ 5%.

Tình hình chung về xây dựng nhà ở dân cư: trung bình mỗi năm xây dựng mới khoảng 100 căn (từ bán kiên cố đến kiên cố), và sửa chữa nâng cấp khoảng 150 căn. Phần lớn nhà ở xây dựng tự phát, không theo quy hoạch, không đồng bộ, do đó làm ảnh hưởng đến mỹ quan đô thị chung.

### **3. Thực trạng kinh tế và tổ chức sản xuất**

#### **a) Kinh tế**

- Cơ cấu giá trị sản xuất của các ngành chuyên dịch như sau: Khu vực I (nông nghiệp, thủy sản) chiếm tỷ trọng khoảng 20%, khu vực II (công nghiệp, xây dựng) chiếm tỷ trọng khoảng 15%, khu vực III (thương mại - dịch vụ, giao thông - bưu điện) chiếm 65% trong tổng giá trị gia tăng của các ngành kinh tế.

- Thu nhập bình quân đầu người năm 2012: xấp xỉ 24 triệu đồng/người/năm; có 606 hộ/2.811 hộ (21,6%). Phần đầu đến năm 2015 thu nhập bình quân đầu người đạt xấp xỉ 44 - 48 triệu đồng/người/năm.

#### **b) Lao động**

- Tổng lao động trong độ tuổi 7.121 người (62,9%). Trong đó: lao động đang có việc làm: 5.650 người (79,43%), đang đi học: 637 người (8,95%), chưa có việc làm ổn định: 834 người (11,7%):

+ Cơ cấu lao động ngành nông nghiệp là 1.100/7.121 người (15,44%), Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, xây dựng và các ngành khác: 3.754/7.121 người (52,7%), thương mại - dịch vụ - dịch vụ du lịch: 1.630/7.121 người (22,89%), học sinh và sinh viên 637/7.121 người (8,95%).

+ Lao động phân theo kiến thức phổ thông: Tiểu học: 2.958/7.121 (41,54%); Trung học cơ sở: 2.248/7.121 (31,56%); Trung học phổ thông: 1.915/7.121 (26,89%).

+ Tỷ lệ lao động được đào tạo chuyên môn: khoảng 35% trên tổng số lao động trong độ tuổi, phân ra như sau: Sơ cấp (thạo việc ít nhất 1 nghề hoặc được đào tạo từ 3 tháng trở lên): 5.650/7.121 (79,34%); Trung cấp: 440/7.121 (6,17%); Cao đẳng: 73/7.121 (1,02%); Đại học: 187/7.121 (2,62%); trên Đại học: 03/7.121 (0,042%).

#### **c) Hình thức tổ chức sản xuất**

- Toàn xã có 582 cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể, cơ cấu vào các ngành sau: công nghiệp (22), vận tải kho bãi (13) và thương mại dịch vụ (547) (số liệu điều tra các cơ sở kinh tế năm 2012);

- Số doanh nghiệp: 10 Công ty TNHH và Công ty cổ phần, 7 cơ sở kinh doanh vật liệu xây dựng, 16 cơ sở chế biến thủy sản, 1 cơ sở sản xuất nước đá, 1 cơ sở làm bánh mì, 4 cơ sở hàn tiện, 3 cơ sở chế biến gỗ, 2 cơ sở kinh doanh xăng dầu, 6 doanh nghiệp tư nhân kinh doanh thương mại dịch vụ, 5 cơ sở thu mua phế liệu, và các cơ sở cá thể nhỏ lẻ khác (buôn bán tạp hóa, ăn uống, buôn bán hải sản, cơ sở tiêu thụ công nghiệp, tiêu thương tại các chợ...);

- Kinh tế trang trại: hiện xã chưa phát triển mô hình kinh tế trang trại. Các hộ nuôi heo trắng và heo rừng lai chỉ ở dạng cá thể, nhỏ lẻ với số lượng khoảng 50 - 100 con/hộ; có 3 hộ xin được chủ trương cho phép tổ chức nuôi gia cầm (nuôi gà) nhưng cũng chưa tổ chức nuôi đúng mô hình theo quy định.

- Kinh tế tập thể: hiện xã có 1 hợp tác xã (Hợp tác xã Thanh niên Long Hòa) và có 13 tổ hợp tác sản xuất, gồm: 7 tổ hợp tác nuôi nghêu, 1 tổ hợp tác nuôi hào, 1 tổ hợp tác nuôi heo rừng lai, 2 tổ hợp tác trồng xoài, 1 tổ hợp tác sản xuất muối và 1 tổ hợp nghề cá.

#### **4. Văn hóa, xã hội và môi trường**

##### **a) Văn hóa - giáo dục**

- Văn hóa: Năm 2012, xã có 3/4 ấp (75%). Số hộ dân được công nhận hộ gia đình văn hóa là 2.268 hộ, đạt tỷ lệ 80,68%.

- Giáo dục: Năm 2012, xã Long Hòa được công nhận đạt chuẩn quốc gia về phổ cập mầm non cho trẻ 5 tuổi năm 2012 (Quyết định số 831/QĐ-UBND ngày 18 tháng 10 năm 2012 Ủy ban nhân dân huyện); được công nhận đạt chuẩn quốc gia về xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập giáo dục đúng độ tuổi, phổ cập giáo dục trung học cơ sở, phổ cập trung học phổ thông (Quyết định số 1135/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2012 Ủy ban nhân dân huyện). Cụ thể:

+ Xóa mù chữ: 3.624/3.630 người trong độ tuổi từ 15 - 35 biết chữ (99,83%);

+ Phổ cập tiểu học: 613/629 trẻ từ 11 - 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học (97,46%);

+ Phổ cập tiểu học đúng độ tuổi mức độ 2: 162/173 trẻ 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học (93,64%). Số còn lại không bỏ học ở bậc tiểu học;

+ Phổ cập Trung học cơ sở: 595/644 trẻ trong độ tuổi 15 - 18 tốt nghiệp trung học cơ sở (92,39%);

+ Phổ cập bậc trung học:

\* Huy động vào học bậc trung học: 137/150 trẻ tốt nghiệp Trung học cơ sở vào học bậc trung học (91,33%);

\* Tỷ lệ tốt nghiệp hàng năm : 95/97 trẻ hoàn thành bậc trung học (97,94%);

\* Tỷ lệ hiệu quả phổ cập bậc trung học: 328/424 người trong độ tuổi 18 -21 hoàn thành bậc trung học (77,36%);

+ Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt khoảng 35%.

#### b) Y tế

- Xã có 1 trạm y tế xã (được công nhận Trạm y tế đạt chuẩn) (có 2 sơ sở y tế tại ấp Đồng Hòa và ấp Hòa Hiệp); nhân sự gồm: 1 bác sĩ, 1 y sĩ, 1 y tá, 4 dược trung cấp và 3 hộ sinh.

- Số lượng người dân tham gia các hình thức bảo hiểm y tế: 6.410/11.222 người ( $\approx 57,12\%$ ; yêu cầu là trên 70%).

#### c) Môi trường

- Xã có 1 công trình cấp nước sinh hoạt tập trung; khả năng cấp nước đạt khoảng trên 95%

- Tỷ lệ hộ sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh: trên 98%

- Tỷ lệ hộ có đủ 3 công trình (nhà tắm, hố xí và bể nước) đạt chuẩn: 65%

- Tỷ lệ hộ có cơ sở chăn nuôi hợp vệ sinh: 31%

- Xử lý chất thải: thực hiện theo Quyết định số 88/2008/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về thu phí vệ sinh và phí bảo vệ môi trường đối với chất thải rắn thông thường; xã lập 4 tổ thu gom rác tại 4 ấp (có tập huấn và hướng dẫn sử dụng nước hợp vệ sinh, cách thức xử lý rác thải...), thu nhập bình quân khoảng trên 1,5 triệu đồng/người.

- Về cơ sở sản xuất đạt chuẩn môi trường: hầu hết các cơ sở sản xuất kinh doanh (kể cả kinh doanh dịch vụ du lịch) hoạt động mà không đạt chuẩn về môi trường. Chỉ có 6 đơn vị có đăng ký cam kết bảo vệ môi trường.

- Nghĩa trang: trên địa bàn xã có 1 nghĩa trang nhân dân, có quản lý và quy chế quản lý bởi Công ty TNHH một thành viên dịch vụ công ích huyện Cần Giờ.

- Môi trường phục vụ sản xuất: sản xuất thủy sản của xã chủ yếu là nuôi nhuyễn thể hai mảnh vỏ, tuy nhiên liên tục nhiều năm qua đã xảy ra tình trạng chết hàng loạt và trên diện rộng vào một vài thời điểm cố định trong năm (khoảng từ tháng 01 đến tháng 3, ngẫu nhiên và hầu thường xảy ra hiện tượng chết hàng loạt), các ngành chức năng

của Thành phố và huyện đã khảo sát và có đưa ra một số khuyến cáo, tuy nhiên tình trạng vẫn chưa được cải thiện.

## **5. Hệ thống chính trị và tình hình an ninh trật tự - xã hội**

### **a) Hệ thống chính trị của xã**

Đảng bộ cơ sở xã có 13 chi bộ trực thuộc, với 146 đảng viên (84 nam và 62 nữ); các chi bộ trực thuộc gồm:

- 4 chi bộ ấp (Long Thạnh: 14 Đảng viên, Hòa Hiệp: 20 Đảng viên, Đồng Hòa: 10 Đảng viên, Đồng Tranh: 11 Đảng viên);

- 5 chi bộ trường học (Trường Trung học cơ sở Long Hòa: 15 Đảng viên, Trường Trung học Long Thạnh: 11 Đảng viên, Trường Trung học Đồng Hòa: 11 Đảng viên, Trường tiểu học Hòa Hiệp: 9 Đảng viên, Trường mẫu giáo Long Hòa: 7 Đảng viên);

- Các chi bộ y tế: 5 Đảng viên; Ban chỉ huy quân sự xã: 10 Đảng viên; Công an xã: 12 Đảng viên; Cơ quan Ủy ban nhân dân xã: 11 Đảng viên

- Hiện trạng đội ngũ cán bộ xã so với chuẩn: số lượng cán bộ, công chức, cán bộ không chuyên trách của Ủy ban nhân dân xã được giao năm 2013 là 47 người; trong đó có 25 cán bộ, công chức, 22 cán bộ không chuyên trách. Thực hiện đến tháng 4/2013 là 10 cán bộ, 10 công chức, và 16 cán bộ không chuyên trách.

- Hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở: Các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp của xã gồm:

+ Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã: có 7 tổ chức thành viên với 30 thành viên, có đầy đủ Ban Mặt trận ở 4 ấp.

+ Hội Cựu chiến binh: có 4 chi hội với 80 hội viên

+ Hội Liên hiệp Phụ nữ: có 4 chi hội và 49 tổ hội với 2.333 hội viên

+ Hội Nông dân: có 4 chi hội với 1.397 hội viên

+ Hội Người cao tuổi: có 4 chi hội với 627 hội viên

+ Hội Chữ thập đỏ: có 5 chi hội với 541 hội viên (nam 222, nữ 319)

+ Hội Khuyến học: có 11 chi hội; 321 hội viên

+ Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh: 9 chi đoàn với 142 đoàn viên (chi đoàn 4 ấp, chi đoàn Công an, Quân sự xã, chi đoàn Trường mẫu giáo Đồng Hòa, Trường Trung học cơ sở Long Hòa và chi đoàn trường tiểu học Long Thạnh)

- + Hội Liên hiệp thanh niên: có 4 chi hội với 925 hội viên
- + Công đoàn cơ quan: có 52 công đoàn viên
- + Chi Hội Luật gia: có 7 hội viên
- + 4 Câu lạc bộ xây dựng gia đình hạnh phúc: 90 thành viên
- + 1 Câu lạc bộ phụ nữ tham gia bảo vệ môi trường: 152 thành viên
- + Câu lạc bộ phòng chống bạo lực gia đình: có 1, với 47 thành viên
- + Câu lạc bộ nữ tiền hôn nhân: có 1, với 33 thành viên.

#### b) An ninh trật tự xã hội

Tình hình quốc phòng - an ninh chính trị - trật tự an toàn xã hội trên địa bàn xã được giữ vững ổn định, các loại tội phạm luôn được phát hiện và xử lý kịp thời, nghiêm minh. Nhân dân có ý thức tốt trong chấp hành chủ trương của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Trong thời gian qua chính quyền xã thực hiện tốt công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, thực hiện tốt và có hiệu quả chương trình mục tiêu “3 giảm”. Giữ vững ổn định tình hình an ninh chính trị, không xảy ra các tình huống bất ngờ, nhân dân đồng thuận thực hiện tốt chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước. Xây dựng và duy trì tốt “Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc”, “Ngày hội toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc”, ý thức cảnh giác phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội trong nhân dân, cán bộ công chức ngày càng nâng cao. Các ban, ngành, đoàn thể phối hợp công an xã thực hiện nghị quyết liên tịch có hiệu quả.

## **Phần II**

### **NỘI DUNG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TẠI XÃ LONG HÒA - HUYỆN CẦN GIỜ ĐẾN NĂM 2015**

#### **I. MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2015**

##### **1. Mục tiêu chung**

Xây dựng xã Long Hòa trở thành xã nông thôn mới thời kỳ công nghiệp hóa - hiện đại hóa thể hiện các đặc trưng: kinh tế phát triển, đời sống vật chất và tinh thần của cư dân nông thôn được nâng cao; kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội phát triển bền vững phù hợp với xu thế chung, có các hình thức sản xuất phù hợp, gắn phát triển nông nghiệp với phát triển ngành thương mại - dịch vụ; đô thị - nông thôn phát triển



theo đúng quy hoạch; xã hội nông thôn ổn định, giàu bản sắc dân tộc, dân trí được nâng cao; môi trường sinh thái được bảo vệ... nâng cao sức mạnh của hệ thống chính trị ở xã, áp dưới sự lãnh đạo của Đảng;

- Xây dựng xã Long Hòa trở thành xã nông thôn mới theo phương pháp tập trung mọi nguồn lực; tập trung vào nguồn lực trong dân, các tổ chức, các mạnh thường quân... do cộng đồng địa phương làm chủ.

## **2. Mục tiêu cụ thể**

\* Hoàn thành 19/19 tiêu chí về nông thôn mới theo bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới theo từng giai đoạn cụ thể:

- Năm 2012: có 6/19 tiêu chí đạt chuẩn (3, 4, 8, 16, 18, 19).

- Năm 2013: phần đầu đạt 11/19 tiêu chí đạt chuẩn (thêm 5 tiêu chí: 1, 2, 6, 13, 15).

- Năm 2014: phần đầu đạt 17/19 tiêu chí đạt chuẩn (thêm 6 tiêu chí: 5, 7, 9, 12, 14, 17).

- Năm 2015: phần đầu đạt 19/19 tiêu chí đạt chuẩn (thêm 2 tiêu chí: 10, 11).

\* Nội dung thực hiện cụ thể:

- Hoàn thành quy hoạch nông thôn mới theo Thông tư số 13/2011/TTLT-BXD-BNNPTNT-BTN&MT ngày 28 tháng 10 năm 2011 về quy định việc lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới; quy hoạch hạ tầng kinh tế xã hội, khu dân cư (giúp cho người dân ổn định sản xuất, đảm bảo có đủ và phù hợp quy định các bãi rác, nghĩa trang nhân dân; chỉnh trang khu dân cư, cải thiện bộ mặt nông thôn);

- Hoàn chỉnh cơ sở vật chất - hạ tầng kỹ thuật phục vụ phát triển kinh tế - xã hội - quốc phòng an ninh; xây dựng mạng lưới giao thông nông thôn với chất lượng bảo đảm thuận tiện cho việc đi lại - vận chuyển hàng hóa - tiêu thụ nông sản - dịch vụ du lịch;

- Kiên cố hóa trường, lớp, hoàn thiện các điều kiện về cơ sở vật chất trong hệ thống trường học, tiến tới hiện đại hóa các phương tiện dạy học;

- Thu nhập bình quân đầu người/năm đến năm 2015 tăng 1,5 đến 1,8 lần so với mức khởi điểm xuất phát năm 2012 (từ 18 - 24 triệu đồng/người/năm tiến lên 40 - 50 triệu đồng/người/năm);

- Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn của Thành phố (thu nhập dưới 12 triệu đồng/người/năm): giảm từ 21,6% (606 hộ, năm 2013) xuống còn dưới 2% (theo bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới), tức còn không quá 56 hộ vào năm 2015;

- Tỷ lệ qua đào tạo nghề đến năm 2015 đạt trên 70% (trong đó có trên 40% lao động nữ). Phần đầu đào tạo nghề và giải quyết việc làm hàng năm cho trên 500 lao động (giai đoạn 2013 - 2015);

- Cơ cấu kinh tế của xã Long Hòa giai đoạn 2011 đến năm 2015 được xác định là Thương mại - Du lịch - Dịch vụ du lịch, Nuôi trồng kỹ thuật cao (lĩnh vực nông nghiệp: thủy sản, trồng trọt và chăn nuôi) và Xây dựng. Chuyển dịch sản xuất nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị hiệu quả cao, an toàn vệ sinh dịch bệnh;

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế của xã là trên 13,5%/năm trong giai đoạn 2012 - 2015;

- Phần đầu phát triển đời sống văn hóa ở nông thôn với 4/4 ấp đạt tiêu chuẩn văn hóa, tỷ lệ gia đình văn hóa đạt trên 90%.

## **II. NỘI DUNG VÀ NHIỆM VỤ CỤ THỂ**

### **1. Quy hoạch**

- Mục tiêu: Đạt tiêu chí số 1 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

- Nội dung thực hiện: Việc quy hoạch xây dựng nông thôn mới phải theo Thông tư liên tịch số 13/2011/TTLT-BXD-BNNPTNT-BTN&MT ngày 28 tháng 10 năm 2011 của Bộ Xây dựng, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định việc lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch xây dựng nông thôn mới.

### **2. Hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn**

#### **a) Giao thông**

- Mục tiêu: Đạt tiêu chí số 2 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

- Nội dung thực hiện:

+ Đường trục xã, liên xã: khoảng 8,8 km (4 tuyến đường):

\* Điều chỉnh các đoạn cua gắt đường Duyên Hải (cua Đồng hồ và cua Đồn Biên phòng): mở rộng khúc cua; đường láng nhựa;

\* Cải tạo nút giao thông đường Duyên Hải (nút Bạch Lê và Búp sen): mở rộng các nút giao thông; đường láng nhựa;

\* Xây dựng mới đường Lâm Viên - Đồng Đình, đường Lương Văn Nho theo dự án được duyệt.

Đường trục áp, liên áp: khoảng 3,15 km (04 tuyến đường) từ nền đất đỏ lên cấp phối đá dăm và láng nhựa.

+ Đường ngõ xóm: khoảng 5,98 km (10 tuyến đường nội áp): từ nền đất đỏ lên bê tông xi măng.

+ Xây dựng - nâng cấp mở rộng các bến:

\* Xây dựng mới Bến chợ Đồng Tranh (phục vụ cho hoạt động của chợ Đồng Tranh chuẩn bị xây dựng).

\* Xây dựng nâng cấp Bến đò Đồng Tranh (phục vụ khai thác thủy sản hai ấp Đồng Hòa và Đồng Tranh và Thương mại - dịch vụ);

\* Xây dựng nâng cấp Bến đò Hòa Hiệp (phục vụ khai thác thủy sản và Thương mại - dịch vụ).

+ Nạo vét các tuyến, luồng phục vụ giao thông thủy: Nạo vét luồng Đồng Hòa và luồng vào bến đò Long Thạnh.

#### b) Thủy lợi

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 3 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện:

+ Kè chống sạt lở các khu dân cư ven sông, biển: khoảng 400m

- Gia cố, nâng cấp tuyến Kè chống sạt lở tại KDC mới Đồng Tranh (Đoạn từ trụ đèn báo bão đến kè mở hàn K1): khoảng 400m;

+ Nạo vét luồng Rạch cầu nò.

#### c) Điện

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 4 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện: Cải tạo nâng cấp: 24 Trạm biến áp công suất 3000KVA; 2k đường dây hạ thế. Xây dựng mới: 4 Trạm biến áp công suất 1200KVA; và 1,5km đường dây hạ thế.

#### d) Trường học

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 5 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện: Thực hiện đầu tư cải tạo; nâng cấp mở rộng và xây dựng mới các cơ sở trường học. Gồm 4 công trình sau:

+ Nâng cấp, mở rộng Trường Mầm non Long Hòa (ấp Long Thạnh): Quy mô đầu tư theo dự án được duyệt.

+ Xây dựng mới trường Tiểu học Hòa Hiệp (ấp Hòa Hiệp): Quy mô đầu tư theo dự án được duyệt.

+ Nâng cấp, mở rộng Trường Trung học cơ sở Long Hòa: Quy mô đầu tư theo dự án được duyệt.

+ Nâng cấp, mở rộng Trường Tiểu học Đồng Hòa: Quy mô đầu tư: Xây mới nhà đa năng, các khối công trình phụ, cải tạo các khối hiện hữu.

#### đ) Cơ sở vật chất văn hóa

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 6 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện:

+ Xây dựng Trụ sở Ủy ban nhân dân xã Long Hòa (giai đoạn.II): Đầu tư giai đoạn I (năm 2008) chưa hoàn thiện, chưa đáp ứng nhu cầu đủ cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật phục vụ hoạt động của bộ máy chính quyền xã. Quy mô đầu tư giai đoạn II: San lấp hoàn thiện 5.000m<sup>2</sup> mặt bằng còn lại; xây dựng cổng, tường rào (400m); xây dựng nhà làm việc Công an, Xã đội; hạ tầng kỹ thuật và trang thiết bị phù hợp.

+ Nâng cấp Nhà văn hóa xã: nâng cấp khối nhà hiện hữu, quy hoạch tổng mặt bằng còn lại thành sân thể thao đa năng.

+ Nâng cấp văn phòng ấp kết hợp với tụ điểm sinh hoạt văn hóa ấp Hòa Hiệp.

+ Xây dựng mới văn phòng ấp kết hợp với tụ điểm sinh hoạt văn hóa ấp Đồng Tranh:

+ Xây dựng công viên ấp Đồng Hòa - Đồng Tranh

+ Xây dựng cổng chào xã Long Hòa.

#### e) Chợ nông thôn

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 7 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện:

+ Xây dựng mới chợ Long Thạnh: đầu tư xây dựng mới theo mô hình khu liên hợp dịch vụ - thương mại - nhà ở.

+ Xây dựng mới chợ Đồng Hòa: sử dụng đất khoảng 0,25ha (trong Khu dân cư Đồng Tranh), xây dựng Nhà lồng chợ 1.764m<sup>2</sup> và các khu chức năng phụ, cơ sở hạ tầng kỹ thuật (điện, nước, chiếu sáng...).

+ Nâng cấp chợ Hòa Hiệp: sử dụng mặt bằng chợ hiện hữu (xây dựng bổ sung diện tích nhà lồng chợ).

g) Bru điện

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 8 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;
- Nội dung thực hiện: nâng cấp Bru cục xã.

h) Nhà ở dân cư nông thôn

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 9 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;
- Nội dung thực hiện: Hỗ trợ xây dựng khoảng 150 căn nhà tạm, dột nát.

### 3. Phát triển kinh tế và các hình thức tổ chức

a) Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nâng cao thu nhập:

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 10 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;
- Nội dung thực hiện:

+ Vận dụng các chính sách hỗ trợ để giúp người dân mở rộng các dịch vụ hậu cần phục vụ cho sản xuất của các ngành khai thác - nuôi trồng thủy sản, nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp...

+ Đối với ngành nuôi thủy sản, tập trung hướng dẫn người dân sản xuất theo đúng khu vực quy hoạch, đúng thời vụ; tập trung sử dụng, khai thác hiệu quả mặt nước, bãi bồi... để sản xuất thủy sản;

+ Đẩy mạnh phát triển các hình thức kinh doanh, sản xuất, dịch vụ thương mại góp phần giải quyết việc làm, giảm thời gian nông nhàn, tăng thu nhập cho người dân như phát triển các hình thức tiểu thủ công nghiệp, tạo thêm việc làm tại nhà... đặc biệt lưu ý phát triển nông nghiệp trên cơ sở kết hợp với phát triển các loại hình du lịch nhà vườn gắn với du lịch sinh thái.

+ Vận dụng các chính sách hỗ trợ: Nghị định số 41/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về Chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp và nông thôn; Quyết định 63/2010/QĐ-TTg ngày 15 tháng 10 năm 2010 của Chính phủ về Chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất sau thu hoạch đối với nông sản, thủy sản; Quyết định số 3749/QĐ-UBND ngày 24 tháng 8 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt Đề án Xây dựng và phát triển mô hình Hợp tác xã nông nghiệp thương mại - dịch vụ giai đoạn 2010 - 2015 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;...

+ Xúc tiến thương mại và tiêu thụ sản phẩm: thông qua việc cung cấp thông tin về chủ trương chính sách và tình hình sản xuất các mặt hàng có lợi thế cạnh tranh của xã.

b) Giảm nghèo và an sinh xã hội

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 11 của Bộ tiêu chí quốc gia và phù hợp với đặc điểm riêng của thành phố.

- Nội dung thực hiện:

+ Tiếp tục thực hiện các chương trình tín dụng ưu đãi thông qua Ngân hàng chính sách xã hội; hỗ trợ người lao động mất việc làm trong doanh nghiệp gặp khó khăn do các yếu tố suy giảm kinh tế; huy động các nguồn lực xã hội hỗ trợ kinh phí xóa nhà tạm cho người nghèo; chăm lo khám chữa bệnh cho người nghèo và trẻ em dưới 6 tuổi; chính sách cho người có công...

+ Tăng cường thực hiện chức năng giám sát phản biện xã hội của các tổ chức chính trị - xã hội, góp phần đảm bảo tính hiệu quả của các chính sách an sinh xã hội của Nhà nước thực sự hỗ trợ được người nghèo và các đối tượng chính sách.

c) Tỷ lệ lao động có việc làm

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí 12 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện:

+ Ban quản lý xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã liên kết chặt chẽ với Trung tâm dạy nghề huyện, các trường dạy nghề khu vực Thành phố Hồ Chí Minh và các doanh nghiệp nhằm có định hướng đào tạo công nhân kỹ thuật góp phần giải quyết việc làm cho người lao động;

+ Đào tạo nghề cấp chứng chỉ, tập huấn kỹ thuật sản xuất cho nông dân, kỹ năng khuyến nông cho cán bộ khuyến nông cơ sở, nông dân giỏi; Đẩy mạnh hợp tác, liên kết giữa các cơ quan quản lý nhà nước, các doanh nghiệp, trường đại học, Viện nghiên cứu... với nông dân, hộ sản xuất trong công tác chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật, giống mới, công nghệ sau thu hoạch...;

+ Đào tạo và nâng cao trình độ quản lý, nghiệp vụ kế toán cho cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật nông nghiệp của xã, hợp tác xã nông nghiệp, tổ hợp tác sản xuất, doanh nghiệp.

d) Hình thức tổ chức sản xuất

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 13 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện:

+ Tuyên truyền, vận động nhằm giúp người nông dân nắm bắt được chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước về kinh tế tập thể;

+ Bồi dưỡng, đào tạo cho Tổ trưởng, Tổ phó Tổ hợp tác; Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm hợp tác xã nhằm nâng cao về năng lực quản lý;

+ Hỗ trợ cơ sở vật chất ban đầu như cho mượn địa điểm làm văn phòng, trang thiết bị phục vụ thông tin liên lạc, đào tạo trao đổi, cập nhật thông tin (điện thoại, máy fax, máy vi tính,...);

+ Hỗ trợ để mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ của các tổ chức kinh tế thông qua hỗ trợ các điều kiện sản xuất như: cho mượn địa điểm làm nơi sản xuất - kinh doanh, làm kho chứa, nhà sơ chế - bảo quản, công nghệ, thực hiện chế biến nông sản... Hỗ trợ kỹ thuật tạo điều kiện cho người dân tiếp cận và ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới vào sản xuất kinh doanh, nhằm tăng năng suất chất lượng sản phẩm và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần. Hỗ trợ về thông tin thị trường và xúc tiến thương mại. Tổ chức tham quan học tập mô hình liên kết sản xuất đáp ứng tốt dịch vụ cho các hộ xã viên trong và ngoài thành phố...

#### **4. Giáo dục, y tế, văn hóa và môi trường**

a) Giáo dục

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 14 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện:

+ Ban quản lý xây dựng Nông thôn mới xã phối hợp với các đoàn thể vận động các nguồn tài trợ để nâng cao số lượng và chất lượng các suất học bổng khuyến học dành cho các học sinh có hoàn cảnh khó khăn và có thành tích học tốt.

+ Phân nguồn lao động trên địa bàn xã thành 3 nhóm và đưa ra những hình thức đào tạo cụ thể cho từng nhóm lao động: nhóm chuyển dịch lao động ra khỏi sản xuất nông nghiệp; nhóm lao động trong lĩnh vực nông nghiệp và nhóm là chủ các doanh nghiệp đóng trên địa bàn xã. Bên cạnh đó là tăng cường công tác tuyên truyền, hội thảo... về đào tạo nghề, lao động; chú trọng đầu tư nâng cấp và nâng chất hoạt động Trung tâm học tập cộng đồng xã, tăng cường phối hợp với các Trung tâm dạy nghề đào tạo nguồn lao động có tay nghề;

+ Tăng cường công tác huy động học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở tiếp tục học Trung học phổ thông theo 2 hệ (phổ thông, bổ túc) đạt trên 98%

+ Làm tốt công tác điều tra lao động có tay nghề ở nông thôn.

+ Làm tốt công tác huy động học sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở tiếp tục học phổ thông trung học.

b) Y tế

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 15 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện:

+ Tập trung công tác chăm sóc sức khỏe cộng đồng, công tác dân số gia đình và trẻ em; thực hiện tốt công tác khám, điều trị và phòng chống các dịch bệnh; kết hợp Trung tâm Y tế dự phòng huyện tổ chức tiêm ngừa vaccin, uống vitamin A cho trẻ và khám phụ khoa cho phụ nữ trong độ tuổi sinh sản đạt kết hoạch giao hàng năm;

+ Tổ chức truyền thông lồng ghép, tuyên truyền vận động các cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ thực hiện các biện pháp tránh thai;

+ Xây dựng trạm y tế xã đạt chuẩn.

c) Xây dựng đời sống văn hóa phong phú lành mạnh

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 16 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện:

+ Xây dựng quy ước áp về nếp sống văn hóa nông thôn: thực hiện nghiêm Chi thị số 27-CT/TW ngày 12 tháng 8 năm 1998 của Bộ Chính trị và quy chế thực hiện văn minh trong tiệc cưới, lễ tang và lễ hội; giữ gìn vệ sinh công cộng, bảo vệ môi trường; xây dựng và tổ chức thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở.

+ Bổ sung các quy ước về nếp sống văn hóa. Xây dựng chuẩn gia đình văn hóa, các ấp văn hóa, tổ nhân dân văn hóa theo Quyết định số 62/2006/QĐ-BVHTT ngày 23 tháng 6 năm 2006 và Thông tư số 12/2011/TT-BVHTTDL ngày 10 tháng 10 năm 2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết về tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục, hồ sơ công nhận danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Ấp văn hóa”...

+ Nghiên cứu thí điểm và nhân rộng mô hình xã hội hóa Nhà văn hóa xã, các điểm sinh hoạt văn hóa - thể thao tại các ấp trên cơ sở chọn lọc những loại hình phù hợp nhằm nâng cao chất lượng hoạt động các dịch vụ phục vụ cộng đồng, thông tin địa phương.

+ Tổ chức tốt các lễ hội truyền thống, dân gian, văn hóa - lịch sử trên địa bàn xã. Xây dựng và phát triển phong trào thể dục thể thao, phong trào văn nghệ quần chúng



ở xã, ấp. Thông qua hoạt động trên nhằm giảm thiểu các tập tục lạc hậu, mê tín dị đoan trong cộng đồng dân cư.

+ Xây dựng đời sống văn hóa, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, phòng chống tệ nạn xã hội, thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở ở xã. Đẩy mạnh phong trào xây dựng gia đình văn hóa, ấp văn hóa, xã văn hóa; gương người tốt việc tốt theo các tiêu chí mới của thành phố giai đoạn 2013 - 2015.

+ Xây dựng và nhân rộng mô hình người nông dân sản xuất kinh doanh giỏi, thành đạt; đẩy mạnh, tăng cường công tác tuyên truyền vận động, nâng cao nhận thức của cán bộ, hội, đoàn thể của xã và nhân dân về mục đích, ý nghĩa của chương trình xây dựng nông thôn mới và phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, làm cho các phong trào càng phát triển sâu rộng, góp phần làm chuyển biến nhanh và tích cực đến đời sống kinh tế, xã hội trên địa bàn xã.

#### d) Bảo vệ và phát triển môi trường nông thôn

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 17 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện:

+ Tăng cường các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, vận động người dân thực hiện tốt các quy định về vệ sinh môi trường và phòng chống ô nhiễm môi trường sản xuất (nông nghiệp và ngành nghề nông thôn). Thường xuyên thống kê, đánh giá mức độ ô nhiễm môi trường trên địa bàn xã và có kế hoạch giải quyết tình trạng ô nhiễm môi trường (thông qua định kỳ thực hiện phiếu khảo sát hộ); đẩy mạnh công tác kiểm tra môi trường, kịp thời phát hiện những yếu tố gây nguy hại tới môi trường và sức khỏe người dân, đặc biệt là lao động và đề xuất cơ chế, chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển sản xuất theo hướng sạch, giảm thiểu ô nhiễm môi trường; vận động triển khai tổ chức “Hội thi môi trường Xanh - Sạch - Đẹp” kết hợp trồng cây xanh trên các trục đường đã được quy hoạch trên địa bàn xã.

+ Tuyên truyền về Nước sạch và vệ sinh môi trường trong cộng đồng dân cư và vận động nhân dân định kỳ tổng vệ sinh trên địa bàn toàn xã mỗi tháng một lần trong suốt năm (trong đó có đợt cao điểm vào tháng 5 hàng năm - Hưởng ứng tuần lễ nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn).

### **5. Hệ thống chính trị và an ninh trật tự xã hội**

a) Củng cố, nâng cao chất lượng và vai trò của các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở:

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí 18 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện:

+ Tổ chức đào tạo và bồi dưỡng cán bộ, công chức đạt chuẩn để không ngừng đáp ứng yêu cầu xây dựng nông thôn mới. Cán bộ xã đạt chuẩn phải đảm bảo tiêu chuẩn chung, tiêu chuẩn cụ thể đối với cán bộ, công chức cấp xã và phải hoàn thành chức trách, nhiệm vụ được giao quy định tại Quyết định số 04/2004/QĐ-BNV ngày 16 tháng 01 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về ban hành tiêu chuẩn cụ thể đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn và Thông tư số 06/2012/TT-BNV ngày 30 tháng 10 năm 2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về chức trách, tiêu chuẩn cụ thể, nhiệm vụ và tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn.

+ Thực hiện các chính sách khuyến khích, thu hút cán bộ trẻ đã được đào tạo, đủ tiêu chuẩn về công tác ở xã để nhanh chóng chuẩn hóa đội ngũ cán bộ xã;

+ Hoàn thiện bộ máy chính trị phù hợp với yêu cầu xây dựng nông thôn mới. Rà soát, xác định rõ vai trò của mỗi tổ chức trong xây dựng nông thôn mới; đảm bảo sự lãnh đạo thống nhất của Đảng bộ trong việc thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng nói chung và xây dựng nông thôn mới nói riêng. Tiếp tục đổi mới thiết chế dân chủ cơ sở, củng cố và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân và nâng cao sức mạnh của hệ thống chính trị ở nông thôn. Đẩy mạnh cải cách hành chính, từng bước xây dựng nền hành chính văn minh, xây dựng đội ngũ cán bộ địa phương có đủ kiến thức, năng lực và phẩm chất đạo đức để vận hành tốt nhiệm vụ.

b) An ninh chính trị và trật tự xã hội nông thôn

- Mục tiêu: Duy trì đạt yêu cầu tiêu chí số 19 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện:

+ Thông qua các tổ chức chính trị - xã hội, xây dựng và ban hành nội quy, quy ước làng xóm về trật tự, an ninh; phòng chống các tệ nạn xã hội và các hủ tục lạc hậu; nâng cao chất lượng hoạt động của Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh tại cơ sở. Các tổ chức, đoàn thể tăng cường công tác vận động tuyên truyền hội viên, đoàn viên làm nòng cốt trong phong trào xây dựng nông thôn mới.

+ Điều chỉnh và bổ sung chức năng, nhiệm vụ và chính sách tạo điều kiện cho lượng lực lượng an ninh xã, ấp, tổ hoàn thành nhiệm vụ đảm bảo an ninh trật tự xã hội trên địa bàn theo yêu cầu xây dựng nông thôn mới;

+ Xây dựng chính sách đãi ngộ phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ cho lực lượng chuyên trách, bán chuyên trách và tự nguyện đảm bảo an ninh trật tự, đặc biệt là lực lượng công an xã, dân quân, dự bị động viên... để thực hiện có hiệu quả công tác đấu tranh, ngăn chặn và đẩy lùi các loại tội phạm, tệ nạn xã hội.

+ Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 708/KH-CACG(PT) ngày 11 tháng 5 năm 2009 của Công an huyện Cần Giờ về phát huy vai trò làm chủ của nhân dân trong phòng, chống tội phạm giữ gìn an ninh trật tự tại địa bàn dân cư.

### **III. DỰ KIẾN KINH PHÍ VÀ NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ HỖ TRỢ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN**

**A. Tổng kinh phí đầu tư, hỗ trợ để thực hiện Đề án nông thôn mới xã Long Hòa, huyện Cần Giờ, dự kiến: 977.422 triệu đồng, gồm:**

1. Vốn đầu tư xây dựng cơ bản: 896.422 triệu đồng (chiếm 91,71%).
2. Vốn sự nghiệp hỗ trợ cho các hoạt động trên địa bàn xã: 81.000 triệu đồng (chiếm 8,29%).

#### **B. Nguồn vốn**

1. Vốn từ Ngân sách nhà nước: 722.450 triệu đồng, chiếm 73,91%; trong đó:
  - + Vốn Nông thôn mới: 146.450 triệu đồng, chiếm 14,98%.
  - + Vốn lồng ghép: 576.000 triệu đồng, chiếm 58,93%; chia ra:
    - \* Vốn ngân sách tập trung: 549.000 triệu đồng (đã có chủ trương và Quyết định đầu tư của cấp thẩm quyền);
    - \* Vốn phân cấp huyện: 0 triệu đồng;
    - \* Vốn sự nghiệp: 27.000 triệu đồng (dự kiến bố trí thực hiện từ nguồn vốn sự nghiệp hàng năm của các ngành).
2. Vốn cộng đồng đóng góp: 221.972 triệu đồng, chiếm 22,71%; trong đó:
  - + Vốn dân: 13.072 triệu đồng;
  - + Vốn doanh nghiệp: 208.900 triệu đồng;
3. Vốn vay tín dụng: 33.000 triệu đồng, chiếm 3,38%
  - \* Vốn đầu tư các nguồn được xác định cụ thể theo chương trình, dự án được cấp thẩm quyền phê duyệt.

### **Phần III**

## **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1. Thời gian thực hiện đề án:** từ nay đến hết năm 2015.

**2. Quy mô và khối lượng thực hiện:** theo các biểu đính kèm.

**3. Phương châm và nguyên tắc đầu tư, hỗ trợ**

- Phát huy nội lực của địa phương là chính, đảm bảo sử dụng có hiệu quả nguồn lực từ sự hỗ trợ của Trung ương và Thành phố, đáp ứng nhu cầu đầu tư, giúp đỡ của các doanh nghiệp.

- Phát huy dân chủ, công khai trong cộng đồng dân cư, khẩn trương, đồng bộ và chặt chẽ trong thủ tục hành chính và đầu tư.

a) Cơ chế huy động và quản lý các nguồn vốn

- Thực hiện theo Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ, phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

- Thực hiện theo Quyết định số 695/QĐ-TTg ngày 08 tháng 6 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi nguyên tắc cơ chế hỗ trợ vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

- Thực hiện theo Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 13 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ.

- Thực hiện theo Thông tư số 28/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 02 năm 2012 của Bộ Tài chính Quy định về quản lý vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách xã, phường, thị trấn.

- Thực hiện theo Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020;

- Thực hiện Quyết định số 20/2013/QĐ-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành cơ chế hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020;

b) Quản lý đầu tư và xây dựng

- Thực hiện theo Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

- Thực hiện theo Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 13 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ.

- Vận dụng theo Thông tư số 28/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 02 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về quản lý vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách xã, phường, thị trấn.

- Thực hiện theo Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020.

#### **4. Phân công thực hiện**

a) Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ, Ủy ban nhân dân xã Long Hòa, Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Cần Giờ và Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Long Hòa:

- Tập trung triển khai các hoạt động tuyên truyền, vận động nhân dân, Đảng viên, cán bộ, công chức quán triệt chủ trương của Trung ương và thành phố về chương trình xây dựng mô hình nông thôn mới tại xã; vận động cơ sở sản xuất kinh doanh, các doanh nghiệp và nhân dân tích cực hưởng ứng tham gia và đóng góp hỗ trợ để thực hiện các tiêu chí quốc gia về nông thôn mới trên địa bàn xã.

- Thực hiện theo đúng nội dung của Đề án được phê duyệt, không được thay đổi nội dung của Đề án khi chưa được chấp thuận của Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới thành phố và Ủy ban nhân dân thành phố.

- Phân công các phòng, ban, đơn vị chức năng của huyện, cán bộ chuyên môn của xã tham gia, hỗ trợ Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Long Hòa xây dựng kế hoạch tổng thể thực hiện đề án giai đoạn 2012 - 2015, xây dựng kế hoạch cụ thể từng năm đảm bảo tiến độ và mục tiêu, nhiệm vụ thực hiện các tiêu chí quốc gia về nông thôn mới.

- Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới theo đúng quy định hướng dẫn của pháp luật hiện hành.

b) Các Sở, ngành thành viên Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố:

- Phân công cán bộ, công chức theo dõi, hướng dẫn, hỗ trợ Ban quản lý xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã Long Hòa huyện Cần Giờ chuẩn bị và thực hiện, đảm bảo tiến độ thực hiện các tiêu chí của ngành trên địa bàn xã.

- Chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện các chương trình mục tiêu của Trung ương và thành phố do Sở, ngành phụ trách trên địa bàn xã.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì hướng dẫn Ủy ban nhân dân xã Long Hòa và Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã Long Hòa triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới theo Đề án được phê duyệt.

- Sở Quy hoạch - Kiến trúc hướng dẫn, hoàn tất thẩm định quy hoạch chung, quy hoạch chuyên ngành, quy hoạch hạ tầng thiết yếu (theo phân công, phân cấp) của huyện Cần Giờ và xã Long Hòa; tổ chức giám sát việc công bố, công khai các quy hoạch được phê duyệt.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, các Sở ngành liên quan, Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ, Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Long Hòa cân đối, đề xuất và dự thảo văn bản trình Ủy ban nhân dân thành phố giải quyết và bố trí vốn ngân sách tập trung, vốn phân cấp hàng năm (2013 - 2015), đảm bảo tiến độ đầu tư, hoàn thành các tiêu chí về hạ tầng kinh tế - xã hội trên địa bàn xã Long Hòa.

- Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Kho bạc nhà nước, các Sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ và Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã Long Hòa, đề xuất và dự thảo văn bản trình Ủy ban nhân dân thành phố bổ sung, giao kế hoạch kinh phí sự nghiệp chi thường xuyên để thực hiện các hoạt động, đảm bảo tiến độ thực hiện các tiêu chí quốc gia về nông thôn mới trên địa bàn xã Long Hòa.

Tổ công tác giúp việc Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các chương trình, dự án, các tiêu chí quốc gia về nông thôn mới trên địa bàn xã Long Hòa, huyện Cần Giờ; định kỳ hàng tháng báo cáo Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố, Thường trực Ủy ban nhân dân thành phố kết quả thực hiện; tham mưu, đề xuất, giải quyết những khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện; chuẩn bị hồ

---

sơ, tài liệu để thành phố tổ chức sơ kết hàng năm, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện xây dựng xã nông thôn mới trên địa bàn thành phố./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Mạnh Hà**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4684/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 8 năm 2013*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về phê duyệt Đề án nông thôn mới xã Bà Điểm,  
huyện Hóc Môn giai đoạn 2013 - 2015**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 24/2008/NQ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05 tháng 8 năm 2008 của Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí Quốc gia về nông thôn mới;

Căn cứ Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 695/QĐ-TTg ngày 8 tháng 6 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi nguyên tắc cơ chế hỗ trợ vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Thông tư số 54/2009/TT-BNNPTNT ngày 21 tháng 8 năm 2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC, ngày 13 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Tài chính về Hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 4 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;



Căn cứ Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Chương trình mục tiêu về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 10/2009/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Kế hoạch của Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện Chương trình hành động số 43-CTr/TU ngày 20 tháng 10 năm 2008 của Thành ủy về nông nghiệp, nông dân, nông thôn theo Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 5 tháng 8 năm 2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X;

Căn cứ Quyết định số 5930/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt “Quy hoạch sản xuất nông nghiệp phát triển nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025”;

Căn cứ Quyết định số 20/2013/QĐ-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành cơ chế hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020;

Xét Tờ trình số 59/TTr-UBND, ngày 13 tháng 6 năm 2013 của Ủy ban nhân dân xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn về việc phê duyệt Đề án Nông thôn mới xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn giai đoạn 2013 - 2015, có phê duyệt của Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Hóc Môn; ý kiến khảo sát thực tế của Tổ Công tác giúp việc Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố tại Thông báo số 311/TB-TCT ngày 16 tháng 10 năm 2012; đề xuất của Liên Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Sở Kế hoạch và Đầu tư - Sở Tài chính tại Tờ trình số 1529/TTr-NNPTNT-KHĐT-TC ngày 15 tháng 8 năm 2013 về phê duyệt đề án xây dựng nông thôn mới xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn, giai đoạn 2013 - 2015,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay phê duyệt Đề án nông thôn mới xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn giai đoạn 2013 - 2015 (*theo nội dung đề án đính kèm*).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có phát sinh thay đổi về cơ chế, chính sách đầu tư xã nông thôn mới, Tổ Công tác giúp việc Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố phối hợp với Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Hóc Môn, Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Bà Điểm nghiên cứu, đề xuất kịp thời điều chỉnh, bổ sung.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải và các Sở, ngành liên quan; Trưởng Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Hóc Môn và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn, Trưởng Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Bà Điểm và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Bà Điểm - huyện Hóc Môn có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Mạnh Hà**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **ĐỀ ÁN**

### **Xây dựng nông thôn mới xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn giai đoạn 2013 - 2015**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 4684/QĐ-UBND  
ngày 29 tháng 8 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

## **Phần I**

### **THỰC TRẠNG NÔNG THÔN XÃ BÀ ĐIỂM - HUYỆN HÓC MÔN**

#### **I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN - DÂN SỐ LAO ĐỘNG**

##### **1. Đặc điểm tự nhiên**

Xã Bà Điểm là một xã ngoại thành thuộc huyện Hóc Môn nằm về phía tây Thành phố Hồ Chí Minh, cách trung tâm thành phố khoảng 12 km và cách trung tâm hành chính huyện Hóc Môn khoảng 6 km.

Có vị trí tiếp giáp như sau:

- Phía Bắc giáp với xã Xuân Thới Đông, huyện Hóc Môn;
- Phía Nam giáp với xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh; Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân
- Phía Đông giáp với Phường Tân Thới Nhất Quận 12;
- Phía Tây giáp với xã Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn.

Diện tích đất tự nhiên là 705 ha, chiếm 6,44% diện tích tự nhiên của huyện, được phân thành 10 ấp Đông Lân, Tây Lân, Nam Lân, Bắc Lân, Tiền Lân, Trung Lân, Hậu Lân, Hưng Lân, Đông Lân 1, Tiền Lân 1.

##### **2. Dân số**

- Dân số toàn xã là 66.432 nhân khẩu, 10.637 hộ gia đình, mật độ dân số bình quân khoảng 9.078 người/km<sup>2</sup>.

- Xã Bà Điểm có lực lượng lao động khá dồi dào với 50.492 người, chiếm 76.8% dân số toàn xã. Trong đó, lao động làm việc trong lĩnh vực nông, lâm, ngư

nghiệp là 1.403 người, chiếm 2,75% lực lượng lao động của xã; còn lại 97,25% (49.614 lao động) trong lĩnh vực tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ thương mại, công chức viên chức nhà nước, các xí nghiệp, doanh nghiệp trên địa bàn huyện và các vùng phụ cận.

## **II. ĐIỀU KIỆN KINH TẾ - XÃ HỘI**

### **1. Quy hoạch**

Hiện nay, quy hoạch xã Bà Điểm được thực hiện theo quy hoạch chung tổng thể của huyện là quy hoạch 1/5000 được UBND thành phố phê duyệt ngày 21 tháng 8 năm 2010 thay thế cho quy hoạch tổng thể 1/10.000.

Các khu dân cư mới hiện đang xây dựng 04 bản đồ quy hoạch chi tiết 1/2000 đã được phê duyệt vào các năm 1998, 1999 với tổng diện tích: 470/705 ha, đang lập nhiệm vụ cho 2 đồ án quy hoạch chi tiết 1/2.000 với tổng diện tích: 206,08 ha.

### **2. Hạ tầng kinh tế - xã hội**

#### **a) Giao thông**

- Xã Bà Điểm có đường Quốc Lộ 1A đi qua địa bàn xã với chiều dài là 1,986 km, bề rộng mặt đường là 60m, mặt đường trải nhựa. Đây là tuyến đường giao thông huyết mạch cho phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội của xã Bà Điểm.

- Hiện đã có nhiều lĩnh vực đầu tư vào các tuyến đường giao thông, hiện tại tổng chiều dài đường giao thông của xã là 37,3 km:

+ Đường trục xã, liên xã: tổng chiều dài 17,5 km;

+ Đường trục ấp, liên ấp: tổng chiều dài 10,7 km;

+ Đường ngõ, tò: tổng chiều dài 12.8 km.

#### **b) Thủy lợi**

- Trên địa bàn xã có kênh mương cấp 3 do thành phố quản lý: Rạch Cầu Sa, chiều rộng 20 m, chiều dài 3.358m. Hiện nay Ủy ban nhân dân thành phố đã khảo sát hiện trạng để lập dự án đầu tư nâng cấp mở rộng kênh, tiêu thoát nước giải quyết ô nhiễm, xây dựng hàng lang 2 bên kênh.

- Xã Bà Điểm có 3 tuyến kênh thoát nước chính là T1, T2 và T3 thoát ra rạch cầu Sa xuống kênh Tham Lương, tuyến kênh T1 đã được đầu tư hệ thống công hộp, nhưng hiện nay bị rác lấp đầy không thoát kịp mỗi khi trời mưa to, cần phải được nạo vét để khai thông dòng chảy. Tuyến kênh T2, T3 bị sạt lở cần được đầu tư nâng cấp

cống hộp giải quyết tình trạng ô nhiễm môi trường trong khu dân cư, giải quyết tiêu thoát nước cho khu vực: Hậu Lân, Hưng Lân, Đông Lân, Nam Lân, Trung Lân, Tiền Lân, Tiền Lân 1.

c) Điện

- Số trạm biến áp: 5 trạm, công suất 325 KVA.

- Đường dây trung thế: 20,7 km;

- Đường dây hạ thế: 51,5 km;

- Bóng đèn chiếu sáng: 1262 bóng;

- Tất cả các tuyến đường chính đều có bóng điện. 100% hộ dân sử dụng điện trực tiếp từ lưới điện quốc gia. Hiện tại số lượng đèn chiếu sáng tại xã được trang bị dọc theo các tuyến đường, trục đường liên xã có mật độ dân cư cao.

d) Trường học

- Trường mầm non:

Có 4 cơ sở: 1 ở Khu dân cư Hoàng Hải, ấp Trung Lân, ấp Tiền Lân, ấp Tiền Lân và ấp Hưng Lân. Trong đó, Trường mầm non Bà Điểm tại khu dân cư Hoàng Hải tổng diện tích là 3.596 m<sup>2</sup> với 11 phòng học.

- Trường tiểu học: Xã có 2 trường tiểu học:

+ Trường tiểu học Bùi Văn Ngữ tại ấp Tiền Lân với tổng diện tích là 18000 m<sup>2</sup>, số lớp học là 42 lớp với 1689 học sinh.

+ Trường Tây Bắc Lân (1 cơ sở chính tại rừng ông thanh ấp Hậu Lân và 2 phân hiệu: cơ sở 2 tại khu dân cư Hoàng Hải, cơ sở 3 tại ấp Đông Lân) với tổng diện tích là 3734 m<sup>2</sup>, với 811 học sinh.

- Trường trung học cơ sở: xã có 1 Trường Trung học cơ sở Phan Công Hớn với diện tích 4.411 m<sup>2</sup> với 37 phòng học và số lượng học sinh là 2004 học sinh.

đ) Cơ sở vật chất văn hóa

- Hiện trạng 8/10 ấp của xã có trụ sở ban nhân dân ấp, là nơi hoạt động làm việc và hội họp của ban nhân dân ấp, đoàn thể, chi tổ hội ấp... Tuy nhiên, cần nâng cấp các trụ sở này thành điểm sinh hoạt văn hoá của ấp thay cho nhà văn hoá ở ấp; vận động xã hội hóa, ủng hộ từ nhiều nguồn để đầu tư các trang thiết bị phục vụ cho hoạt động của các trụ sở này. Ngoài ra còn 2 Ban nhân dân ấp Đông Lân 1 và Tiền Lân 1 chưa có trụ sở phải thuê mặt bằng để hoạt động.

- Xã Bà Điểm chưa có trung tâm văn hóa xã. Hiện tại Ủy ban nhân dân huyện đã có kế hoạch xây dựng khu Trung tâm văn hóa - thể thao xã với diện tích khoảng 5000m<sup>2</sup> tại khu vực rừng ông Thanh ở ấp Hậu Lân.

- Trên địa bàn xã có một số khu thể thao do tư nhân đầu tư phục vụ nhu cầu tập luyện thể thao, rèn luyện sức khỏe nhân dân địa phương:

- + Bi da: 17 điểm.
- + Phòng tập thể dục thể hình: 5 điểm.
- + Phòng tập thể dục thẩm mỹ: 1 điểm.
- + 1 sân quần vợt.
- + 1 sân cầu lông.
- + 5 sân bóng đá mini.

#### e) Chợ

Hiện nay toàn xã Bà Điểm chỉ có một chợ với diện tích 2.225 m<sup>2</sup>, trên 395 tiểu thương tham gia buôn bán, kinh doanh. Chợ được đầu tư nâng cấp sửa chữa trong năm 2006 với khu nhà lồng chợ chính chiếm 1.941m<sup>2</sup>, chợ có bãi đậu xe, khu nhà vệ sinh và thu gom rác theo quy định.

Tuy nhiên sắp đến đường Phan Công Hớn mở rộng nâng cấp chợ Bà Điểm sẽ bị ảnh hưởng diện tích giảm đi nhiều. do đó dự kiến sẽ xây dựng chợ Bà Điểm mới tại vị trí ấp Tiên Lân 1, đường Phan Văn Đối.

#### g) Bưu điện

- Trên địa bàn xã có 2 bưu điện.
- Đường truyền internet đã phân bố rộng trong toàn xã. Các điểm truy cập internet của tư nhân phân bố ở hầu hết các ấp, người dân tiếp cận Internet được dễ dàng và thuận lợi.

- Về hệ thống thông tin liên lạc: toàn xã có 25.655 điện thoại di động, số điện thoại cố định là 10.355 cái. Tổng số máy vi tính là 9.721 (95% số hộ), số vi tính kết nối Internet là 2.421 máy.

#### h) Nhà ở và dân cư nông thôn:

Tổng số nhà ở trên địa bàn xã là 11.946 căn, đa số là nhà kiên cố và bán kiên cố. Hàng năm, xã đều thực hiện vận động xây dựng mới sửa chữa các căn nhà tình nghĩa, nhà tình thương xuống cấp. Đã cơ bản xóa nhà tạm trên địa bàn xã.

### **3. Thực trạng kinh tế và tổ chức sản xuất**

#### **a) Kinh tế**

- Cơ cấu giá trị sản xuất của các ngành chuyển dịch như sau: ngành thương mại, dịch vụ chiếm 52,61%, ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp chiếm tỷ trọng khoảng 52,61%, ngành nông nghiệp chiếm tỷ trọng 2,29%, trong tổng giá trị gia tăng của các ngành kinh tế.

- Thu nhập bình quân đầu người: 19 triệu đồng/người/năm, bằng khoảng 104% mức thu nhập bình quân chung của huyện Hóc Môn (18,2 triệu đ/ng/năm).

- Số lượng hộ nghèo theo tiêu chí 12 triệu đồng/người/năm: 250 hộ, chiếm tỷ lệ 8,7% trên tổng số hộ toàn xã.

#### **b) Lao động**

Cơ cấu lao động đang làm việc theo các ngành: thương mại, dịch vụ; Công nghiệp, Tiểu thủ công nghiệp - Nông nghiệp của xã theo tỷ lệ tương ứng: 72,38% - 24,87% - 2,75%. So với giá trị sản xuất không cân xứng, là do lao động tại xã Bà Điểm chủ yếu làm việc tại các công ty, khu công nghiệp tại các vùng lân cận như huyện Bình Chánh, quận 12 và các xã khác của huyện Hóc Môn.

#### **c) Hình thức tổ chức sản xuất**

- Toàn xã có 582 cơ sở sản xuất, hình thức sản xuất ở xã Bà Điểm phát triển mang tính tự phát, trong sản xuất nông nghiệp và ngành nghề nông thôn chưa vững mạnh do chịu tác động khá lớn của quá trình đô thị hóa, diện tích đất sản xuất nông nghiệp giảm dần.

Hiện nay xã chưa có tổ hợp tác, hợp tác xã. Trong thời gian tới sẽ ra mắt 2-3 hợp tác xã về lĩnh vực hoa lan, bò sữa, thu gom xử lý rác...

### **4. Văn hóa, xã hội và môi trường**

#### **a) Văn hóa - giáo dục**

- Văn hóa:

+ Trong xã chưa có ấp đạt chuẩn văn hóa, số ấp đạt danh hiệu tiên tiến 4 ấp (ấp Bắc Lân, ấp Tiền Lân, ấp Nam Lân, ấp Trung Lân), số ấp không đạt: 6;

+ Công tác tuyên truyền vận động: nhân dân thi đua xây dựng ấp văn hóa, gia đình văn hóa;

+ Di tích lịch sử, văn hóa được đầu tư trùng tu, tôn tạo: 1 nhà truyền thống cách mạng, 1 đình làng, 6 chùa, đền thờ ông Phan Công Hón, 7 tịnh xá, tịnh thất, 1 nhà thờ;

+ Các thiết chế văn hóa cơ sở: xây dựng nếp sống làng xóm nề nếp, bảo tồn phát huy các giá trị văn hóa truyền thống;

+ Có 8.176 hộ gia đình đạt tiêu chuẩn Gia đình văn hóa, đạt tỷ lệ 89,5% trên tổng số hộ đăng ký.

- Giáo dục:

+ Phổ cập giáo dục trung học: xã đã đạt chuẩn phổ cập giáo dục bậc trung học tỷ lệ 81%.

+ Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, học nghề) trong năm 2011 là 88,8%.

+ Tỷ lệ lao động qua đào tạo 86%: đào tạo ngắn hạn: 26.533 lao động; trình độ chuyên môn trung cấp: 11.223 lao động; trình độ chuyên môn Cao đẳng, Đại học và trên Đại học: 6.261 lao động.

b) Y tế

- Xã có 1 trạm y tế đạt chuẩn quốc gia về y tế, với 2 giường bệnh và 4 y, bác sỹ. Công tác chăm sóc khỏe cho người dân được thực hiện một cách có hiệu quả, trong năm 2011 đã tiếp nhận và khám chữa bệnh cho 17.821 lượt bệnh nhân, trong đó cấp cứu 36 trường hợp; tỷ lệ trẻ uống Vitamin A đạt 100%; tỷ lệ trẻ tiêm ngừa đạt 98,15%,...

Tuy nhiên Trạm y tế hiện nay đã xuống cấp, đồng thời sẽ bị ảnh hưởng khi dự án mở rộng nâng cấp đường Phan Công Hớn. Do đó cần xây mới Trạm y tế đạt chuẩn để phục vụ nhân dân tốt hơn.

- Tỷ lệ người dân xã Bà Điểm tham gia bảo hiểm y tế 65%.

c) Môi trường

Hiện tại trên địa bàn xã có 0,5% hộ dân có sử dụng nước từ trạm cấp nước của nhà máy nước Trung An, 99,5% số hộ dân sử dụng nước từ các giếng khoan tại gia đình (trong đó 80,14% các giếng khoan hợp vệ sinh theo thống kê nước sạch và vệ sinh môi trường 2011, phần còn lại đã bị ô nhiễm). Tỷ lệ hộ có xây dựng đủ 3 công trình (nhà tắm, hố xí, bể nước) đạt chuẩn là 95%.

Tình hình xử lý chất thải: toàn xã có 9.962 hộ dân trong đó có 83,02% (thống kê tháng 8 năm 2012) số hộ có đăng ký thu gom rác dân lập.

Hiện tại xã Bà Điểm không có quy hoạch dành cho nghĩa trang (huyện có quy hoạch nghĩa trang tại xã Bà Điểm, Ủy ban xã tuyên truyền vận động người dân bốc



mộ gia tộc chôn tại nghĩa trang tại xã Bà Điểm theo quy hoạch chung của huyện). Thống kê các cơ sở sản xuất, công ty, doanh nghiệp là 650. Tình hình xử lý chất thải của các công ty đạt 65%.

## **5. Hệ thống chính trị và tình hình an ninh trật tự - xã hội**

### **a) Hệ thống chính trị của xã**

Xã có 1 Đảng bộ cơ sở: có 18 chi bộ trực thuộc, với 360 đảng viên. Trong đó 10 chi bộ ấp, 1 chi bộ quân sự, 1 chi bộ cơ quan, 1 chi bộ chợ và 4 chi bộ trường học, 1 chi bộ công an.

Ủy ban nhân dân xã thực hiện mô hình 1 cửa liên thông về cải cách hành chính khá nề nếp. Trình độ cán bộ công chức không ngừng được nâng cao với 61 người, gồm: 11 cán bộ chuyên trách; 16 công chức chuyên môn (3 người tạm tuyển); 28 hợp đồng không chuyên trách; 6 lao động hợp đồng Ủy ban.

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể:

+ Mặt trận Tổ quốc: có 10 ban công tác mặt trận ở 10 ấp với 71 thành viên.

+ Hội Cựu chiến binh: có 10 chi hội trực thuộc với 210 hội viên.

+ Hội Liên hiệp Phụ nữ: có 11 chi hội trực thuộc với 8.316 hội viên.

+ Hội Nông dân: có 10 chi hội với 932 hội viên.

+ Đoàn TNCS Hồ Chí Minh: có 17 chi đoàn với 344 đoàn viên.

+ Hội Chữ thập đỏ: có 14 chi hội với 435 hội viên.

+ Hội Người cao tuổi: có 10 chi hội với 1.657 hội viên.

### **b) An ninh trật tự xã hội**

Tình hình an ninh chính trị luôn được giữ vững ổn định. Hàng năm Đảng ủy có Nghị quyết, Ủy ban nhân dân xã có kế hoạch về công tác đảm bảo an ninh trật tự và trật tự an toàn giao thông đô thị. Tổ chức thực hiện có hiệu quả các chủ trương, biện pháp bảo vệ an ninh trật tự đưa “Ngày hội toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc” đi vào thực tiễn của xã. Hàng năm có nhiều tập thể cá nhân tiêu biểu điển hình của phong trào.

Công tác tuyên truyền vận động nhân dân tham gia phát hiện và tố giác tội phạm kịp thời được nhân dân tích cực tham gia.

Duy trì và thành lập tổ nhân dân tự quản, tổ công nhân nhà trọ tự quản dần đi vào hoạt động ổn định và mang lại hiệu quả thiết thực cho phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc, góp phần giữ vững an ninh trật tự trên địa bàn.

**Phần II**  
**NỘI DUNG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI**  
**TẠI XÃ BÀ ĐIỂM - HUYỆN HÓC MÔN ĐẾN NĂM 2015**

**I. MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2015**

**1. Mục tiêu chung**

Xây dựng xã Bà Điểm trở thành xã nông thôn mới thời kỳ Công nghiệp hóa - Hiện đại hóa thể hiện các đặc trưng: có kinh tế phát triển, đời sống vật chất và tinh thần của cư dân nông thôn được nâng cao; có kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội hiện đại, có các hình thức sản xuất phù hợp, gắn phát triển nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ, đô thị theo quy hoạch, xã hội nông thôn ổn định, giàu bản sắc dân tộc, dân trí được nâng cao, môi trường sinh thái được bảo vệ... nâng cao sức mạnh của hệ thống chính trị ở xã thôn dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Xây dựng xã Bà Điểm trở thành xã nông thôn mới theo 19 tiêu chí nông thôn mới dựa vào nội lực và do cộng đồng địa phương làm chủ.

**2. Mục tiêu cụ thể:**

\* Hoàn thành 19/19 tiêu chí về nông thôn mới theo bộ Tiêu chí quốc gia về NTM theo từng giai đoạn cụ thể:

- Năm 2012: có 6/19 tiêu chí đạt chuẩn (Tiêu chí: 1, 4, 8, 9, 18, 19);

- Năm 2013: Phần đầu đạt 12/19 tiêu chí đạt chuẩn (tăng thêm 6 tiêu chí: 5, 11, 12, 13, 14, 15);

- Năm 2014: Phần đầu đạt 14/19 tiêu chí đạt chuẩn (tăng thêm 2 tiêu chí: 2, 10);

- Năm 2015: Phần đầu đạt 19/19 tiêu chí đạt chuẩn (tăng thêm 5 tiêu chí: 3, 6, 7, 16, 17).

\* Nội dung thực hiện cụ thể:

- Thu nhập bình quân đầu người năm đạt từ 1,5 đến 1,8 lần so với khi xây dựng đề án.

- Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn thành phố (dưới 12 triệu đồng/người/năm): giảm dưới 2%.

- Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng: Dịch vụ, thương mại - Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp - Nông nghiệp.

- Lao động qua đào tạo nghề trên tổng số lao động đang làm việc đạt 70% trong đó có 40% là lao động nữ.

- Chuyển dịch sản xuất nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị hiệu quả cao, an toàn vệ sinh dịch bệnh. Trong đó quy hoạch sản xuất rau an toàn; hoa, cây kiểng, cá cảnh, bò sữa, các vật nuôi, đặc sản khác có hiệu quả kinh tế cao.

- Xây dựng mạng lưới giao thông nông thôn với chất lượng bảo đảm thuận tiện cho việc đi lại vận chuyển hàng hóa, tiêu thụ nông sản. Với tuyến xã tới các ấp được nhựa hóa, hoặc bê tông hóa 100% trục nối giữa các ấp, tổ trong ấp, liên tổ được cứng hóa không lầy lội vào mùa mưa.

- Kiên cố hóa trường, lớp, hoàn thiện các điều kiện về cơ sở vật chất trong hệ thống các trường học, tiến tới hiện đại hóa các phương tiện dạy học.

- Xây dựng đời sống văn hóa ở nông thôn với 10/10 ấp đạt tiêu chuẩn ấp văn hóa;

- Tỷ lệ gia đình văn hóa đạt 98%; tỷ lệ người tham gia hoạt động thể dục, thể thao thường xuyên đạt 50% và tham gia các hoạt động văn nghệ đạt 20%; tỷ lệ đám cưới, đám tang thực hiện nếp sống văn hóa đạt 85%.

- Tỷ lệ hộ sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 100%; cơ sở sản xuất, kinh doanh đạt tiêu chuẩn môi trường;

- Nâng cao chất lượng hoạt động của tổ chức cơ sở Đảng, hoạt động của các hội, đoàn thể thông qua việc vận động tuyên truyền hội viên, đoàn viên làm nòng cốt trong phong trào xây dựng nông thôn mới.

- Tỷ lệ cán bộ xã đạt chuẩn là 100%; hoạt động của Đảng bộ, chính quyền và tổ chức đoàn thể chính trị đạt tiêu chuẩn trong sạch vững mạnh và từ tiên tiến trở lên. An ninh trật tự xã hội luôn được giữ vững.

## **II. NỘI DUNG VÀ NHIỆM VỤ CỤ THỂ**

### **1. Quy hoạch**

- Đạt yêu cầu tiêu chí 1 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

- Nội dung thực hiện: Thực hiện theo Thông tư số 13/2011/TTLT-BXD-BNNPTNT-BTN&MT, ngày 28 tháng 10 năm 2011 giữa Bộ Xây dựng, Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quy định việc lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới.

## 2. Hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn

### a) Giao thông

- Mục tiêu: Đạt tiêu chí số 2 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

- Nội dung thực hiện: Xây dựng hệ thống giao thông nông thôn hiện đại, chất lượng bảo đảm thuận tiện cho việc đi lại và vận chuyển hàng hóa, tiêu thụ nông sản, là tiền đề hình thành vùng sản xuất hàng hoá lớn; góp phần giảm khoảng cách chênh lệch về kinh tế cũng như trình độ dân trí giữa nông thôn và thành thị. Kiên cố hoá đường giao thông nông thôn sẽ thúc đẩy kinh tế xã phát triển, tạo diện mạo mới cho nông thôn. Tập trung phát triển đồng bộ và bền vững mạng lưới giao thông của xã, bảo đảm:

+ Đường nối giữa các xã hoặc từ trung tâm hành chính xã tới các ấp được nhựa hóa hay bê tông hóa đạt chuẩn kỹ thuật;

+ Đường trục nối giữa các ấp, xóm được cứng hóa đạt chuẩn kỹ thuật;

+ Đường liên tổ nối giữa các tổ trong ấp, sạch và không lầy lội vào mùa mưa.

### b) Thủy lợi

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 3 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện:

+ Nạo vét, gia cố và lát mái hai bên kênh T2 (chiều dài 4,5 km) phục vụ cho tiêu thoát nước tránh tình trạng ngập úng trên trên địa bàn xã.

+ Nạo vét, gia cố và lát mái hai bên kênh T3 (chiều dài 500 m) phục vụ cho tiêu thoát nước tránh tình trạng ngập úng trên trên địa bàn xã.

### c) Điện

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 4 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện:

+ Vận động, tuyên truyền và có chính sách hỗ trợ người dân sử dụng các thiết bị điện tiết kiệm (đèn huỳnh quang thay thế đèn dây tóc);

+ Trạm biến thế: lắp mới: 52 trạm - công suất: 9.360 KVA

+ Trạm tăng cường chiếu sáng: 6 trạm - công suất: 1.174 KVA.

+ Đường dây trung thế: lắp mới: 2,14km; cải tạo: 2,066km

+ Đường dây hạ thế: 3,18km; cải tạo: 0,31km.

+ Bóng đèn chiếu sáng dân lập: lắp mới 400 bóng; sửa chữa: 393 bóng.

d) Trường học

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 5 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện: Xây dựng mới: Trường trung học cơ sở Phan Công Hớn: xây dựng mới ở rừng ông Thanh, quy mô 51 phòng, kết cấu 1 trệt 3 lầu, diện tích đất 12.000m<sup>2</sup>.

đ) Cơ sở vật chất văn hóa

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 6 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện:

+ Xây mới 5 văn phòng áp kết hợp tụ điểm trung tâm sinh hoạt văn hóa (ấp Đông Lân 1, ấp Tiền Lân 1, ấp Trung Lân, ấp Hậu Lân, ấp Tây Lân).

+ Nâng cấp 3 văn phòng ấp Đông Lân, Hưng Lân, Nam Lân.

e) Chợ nông thôn

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 7 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện:

+ Cải tạo, xây dựng mới chợ đáp ứng nhu cầu mua bán của dân cư nông thôn.

+ Hình thành nơi kinh doanh các mặt hàng chủ yếu phục vụ nhu cầu sinh hoạt hàng ngày của người dân; xây dựng và phát triển kinh doanh các mặt hàng đặc trưng của địa phương (sản phẩm nông nghiệp) đồng thời có các hoạt động văn hóa khác, có mục đích quảng bá các giá trị văn hóa truyền thống của xã và thu hút khách du lịch.

+ Xây mới chợ Bà Điểm 2 vị trí đường Phan văn Đồi, ấp Tiền Lân 1 (diện tích 1,2ha).

g) Bưu điện

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 8 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện: Cải tạo, xây dựng mới bưu điện đáp ứng nhu cầu trao đổi thông tin, liên lạc của dân cư nông thôn. Ứng dụng công nghệ thông tin giúp nâng cao năng lực quản lý, theo dõi và giám sát quy trình sản xuất, phân phối, tiếp thị.

h) Nhà ở dân cư nông thôn

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 9 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện: Vận động cải tạo, xây dựng mới, nâng cấp nhà ở của người dân, không để tình trạng nhà dột nát, tạm bợ đảm bảo điều kiện sống của người dân.

### **3. Phát triển kinh tế và các hình thức tổ chức**

#### **a) Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nâng cao thu nhập**

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 10 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện:

+ Khuyến khích phát triển nông nghiệp và các dịch vụ nông nghiệp (hoa cây kiểng, cá cảnh, thú y, sửa chữa cơ khí nhỏ, các loại hình dịch vụ du lịch, vui chơi, giải trí trong nông thôn...) theo hướng đô thị gồm: Phát triển các loại hình thương mại dịch vụ trên địa bàn xã, phát triển các loại hình tiểu thủ công nghiệp, công nghiệp nhỏ vừa trên địa bàn xã, phát triển loại hình hoa, cây kiểng, chuyển đổi, giảm dần chăn nuôi heo, bò sang các loại cây trồng, vật nuôi khác:

+ Xây dựng kế hoạch phát triển sản xuất nâng cao thu nhập trong từng giai đoạn cụ thể, các tiểu dự án, các mô hình trình diễn. Đẩy mạnh việc triển khai, thực hiện các dự án phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập, chuyển dịch cơ cấu lao động; quan tâm đặc biệt đến sự tham gia của cộng đồng dân cư, tổ chức, doanh nghiệp; tính hiệu quả, bền vững của dự án thay vì các mô hình nhỏ lẻ, quy mô hộ gia đình.

+ Tập trung triển khai các hoạt động hướng dẫn, tạo điều kiện thuận lợi, hỗ trợ nhân dân lựa chọn mô hình, công nghệ sản xuất với các giống cây trồng - vật nuôi có giá trị kinh tế cao; phát triển ngành nghề, áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ.

#### **b) Giảm nghèo và an sinh xã hội**

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 11 của Bộ tiêu chí quốc gia và phù hợp với đặc điểm riêng của thành phố.

- Nội dung thực hiện:

+ Tiếp tục thực hiện chương trình giảm nghèo, tăng hộ khá giai đoạn 3 của thành phố phấn đấu đến cuối giai đoạn 2015, tỉ lệ hộ nghèo còn lại dưới 2%.

+ Tiếp tục thực hiện các chương trình tín dụng ưu đãi thông qua Ngân hàng chính sách xã hội; hỗ trợ người lao động mất việc làm trong doanh nghiệp gặp khó khăn do suy giảm kinh tế; sửa chữa nhà cho người nghèo; khám chữa bệnh cho người nghèo và các đối tượng khác; chính sách cho người có công...

+ Tăng cường thực hiện chức năng giám sát phản biện xã hội của các tổ chức chính trị - xã hội, góp phần đảm bảo các chính sách an sinh xã hội của Nhà nước thực sự hỗ trợ được người nghèo và các đối tượng chính sách.

c) Tỷ lệ lao động có việc làm

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí 12 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện:

+ Vận động, hỗ trợ giải quyết việc làm: cho 3% lao động có việc làm không ổn định: 1.048 lao động

+ Vận động học nghề, hỗ trợ một phần kinh phí đào tạo, kết hợp các hình thức đào tạo nghề khác, phần đầu đến 2015 có từ 70% lao động qua đào tạo trong đó có 40% là lao động nữ.

d) Hình thức tổ chức sản xuất

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 13 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện:

Đẩy mạnh liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm giữa người sản xuất, tư thương, doanh nghiệp và người tiêu dùng. Hình thành chuỗi hàng hóa khép kín nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm. Đến năm 2014 sẽ có 01 tổ hợp tác trong sản xuất kinh doanh của người dân làm ăn có hiệu quả.

#### **4. Giáo dục, y tế, văn hóa và môi trường**

a) Giáo dục

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 14 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện:

+ Thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi giai đoạn 2010 - 2015 theo quy định của Thủ tướng Chính phủ ban hành tại Quyết định số 239/QĐ-TTg ngày 9 tháng 2 năm 2010.

+ Tỷ lệ tốt nghiệp trung học cơ sở hàng năm từ 100%.

+ Tỷ lệ thanh, thiếu niên từ 15 đến hết 18 tuổi có bằng tốt nghiệp trung học cơ sở cả hai hệ từ 100%.

+ Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, học nghề) đạt 90%.

+ Phổ cập mầm non cho trẻ 5 tuổi.

+ Xóa mù chữ theo quy định của ngành giáo dục.

+ Nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo: vận động lao động tham gia các khóa đào tạo bồi dưỡng dạy nghề ngắn hạn hoặc đào tạo dài hạn (chính quy và không chính quy), được cấp các loại chứng chỉ, văn bằng như: chứng chỉ học nghề, bằng trung cấp chuyên nghiệp, trung cấp nghề, cao đẳng nghề, cao đẳng và đại học đạt tiêu chí 14 của Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới.

#### b) Y tế

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 15 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện:

+ Hoàn thiện hệ thống các công trình phục vụ việc chuẩn hóa về y tế trên địa bàn xã.

+ Tiếp tục thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia trong lĩnh vực về y tế, đáp ứng yêu cầu Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới. Vận động nâng tỷ lệ của người dân tham gia các hình thức bảo hiểm y tế đạt trên 70%.

+ Xây dựng mới Trạm Y tế tại ấp Tiền Lân: 1 trạm

#### c) Xây dựng đời sống văn hóa phong phú lành mạnh

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 16 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện:

+ Xã có từ 70% số ấp trở lên đạt tiêu chuẩn ấp văn hóa theo Quy chế công nhận danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “ấp văn hóa” ban hành kèm theo lộ trình từng giai đoạn: năm 2014 là 5/10 ấp; năm 2015 là 10/10 ấp.

+ Xây dựng quy ước hoạt động của tổ nhân dân, khu dân cư về nếp sống văn hóa nông thôn, tập trung vào việc cưới, tang, chống mê tín dị đoan và tệ nạn xã hội, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống. Triển khai từng bước nâng cao chất lượng các phong trào: gia đình văn hóa, ấp văn hóa, gương người tốt, việc tốt, người con hiếu thảo.

+ Xã hội hoá Trung tâm văn hoá thể dục thể thao, tụ điểm văn hóa tại các ấp trên cơ sở chọn lọc những loại hình phù hợp nhằm nâng cao chất lượng hoạt động các dịch vụ phục vụ cộng đồng, thông tin địa phương.

#### d) Bảo vệ và phát triển môi trường nông thôn



- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 17 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện:

+ Tiếp tục thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn đảm bảo cung cấp nước sạch cho 100% người dân trên địa bàn xã.

+ Xây dựng, cải tạo nâng cấp hệ thống tiêu thoát nước trong ấp, tổ; vận động nhân dân đăng ký đồ rác, thu gom rác theo quy định.

+ Phương hướng khắc phục sự ô nhiễm kênh Cầu Sa và các nguồn ô nhiễm khác: yêu cầu tất cả các đơn vị sản xuất phải xử lý cục bộ, bảo đảm đạt tiêu chuẩn quy định trước khi xả vào hệ thống kênh rạch. không có hoạt động làm suy giảm môi trường; chất thải được thu gom, xử lý theo quy định.

+ Hiện nay công ty cấp nước Trung An đã lắp đặt các hệ thống dẫn nước tại địa bàn ấp Đông Lân đường Nguyễn Ảnh Thủ đề cấp nước cho người dân, ngoài ra Ủy ban nhân dân xã vận động người dân không sử dụng nước ngầm hướng tới sử dụng nước do công ty cung cấp, tiếp tục làm việc với công ty cấp nước lắp đặt hệ thống dẫn nước cho các tuyến đường khu dân cư còn lại trên địa bàn xã.

+ Trong năm năm trồng mới khoảng 5.000 cây xanh (các tuyến đường chính), nhằm đảm bảo độ che phủ cây xanh trên địa bàn xã, tạo cảnh quan môi trường xanh sạch đẹp.

## **5. Hệ thống chính trị và an ninh trật tự xã hội**

a) Củng cố, nâng cao chất lượng và vai trò của các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở:

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí 18 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện:

+ Tổ chức đào tạo cán bộ đạt chuẩn theo quy định của Bộ Nội vụ, đáp ứng yêu cầu xây dựng nông thôn mới.

+ Cán bộ xã đạt chuẩn phải đảm bảo các tiêu chuẩn quy định phải hoàn thành chức trách nhiệm vụ được giao theo Quyết định số 04/2004/QĐ-BNV ngày 16 tháng 01 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

+ Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn “Trong sạch, vững mạnh”: Đảng bộ hoặc chi bộ cơ sở “Trong sạch, vững mạnh” phải đảm bảo 5 yêu cầu theo quy định. Chính quyền “Trong sạch, vững mạnh” đảm bảo 7 yêu cầu theo quy định.

+ Các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội của xã đều đạt danh hiệu tiên tiến trở lên theo quy định của từng tổ chức.

+ Thu hút cán bộ trẻ đã được đào tạo, đủ tiêu chuẩn về công tác ở các xã để nhanh chóng chuẩn hoá đội ngũ cán bộ xã;

+ Bổ sung chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức trong hệ thống chính trị phù hợp với yêu cầu xây dựng nông thôn mới.

+ Rà soát, xác định rõ vai trò của mỗi tổ chức trong xây dựng nông thôn mới; đảm bảo sự lãnh đạo thống nhất của Đảng bộ trong việc thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng nói chung và xây dựng nông thôn mới nói riêng.

#### b) An ninh chính trị và trật tự xã hội nông thôn

- Mục tiêu: Duy trì đạt yêu cầu tiêu chí số 19 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện:

+ Thông qua các tổ chức chính trị - xã hội, xây dựng và ban hành nội quy, quy ước các mô hình tự quản về an ninh trật tự, an ninh; phòng chống tội phạm, các tệ nạn xã hội và trật tự an toàn giao thông.

+ Nâng cao chất lượng hoạt động của Hội Nông dân, Hội Liên hiệp phụ nữ, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh và các hội quần chúng tại cơ sở. Các tổ chức đoàn thể tăng cường công tác vận động tuyên truyền hội viên, đoàn viên làm nòng cốt trong phong trào xây dựng nông thôn mới.

+ Nâng cao hiệu lực quản lý của chính quyền cơ sở; vai trò giám sát của Hội đồng nhân dân, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở.

+ Quan tâm công tác tiếp dân, giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo của công dân; kịp thời, dứt điểm đúng quy định của pháp luật, không để tình trạng khiếu kiện phức tạp đông người xảy ra.

+ Xây dựng chính sách đãi ngộ phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ cho lực lượng chuyên trách, bán chuyên trách và tự nguyện đảm bảo an ninh trật tự, đặc biệt là lực lượng công an xã, dân quân tự vệ, dự bị động viên... để thực hiện có hiệu quả công tác đấu tranh, ngăn chặn và đẩy lùi các loại tội phạm, tệ nạn xã hội.

### **III. DỰ KIẾN KINH PHÍ VÀ NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ HỖ TRỢ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN**

**A. Tổng kinh phí đầu tư, hỗ trợ để thực hiện Đề án nông thôn mới xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn, dự kiến: 518.606 triệu đồng, gồm:**

1. Vốn đầu tư xây dựng cơ bản: 372.419 triệu đồng (chiếm 71,81%)
2. Vốn sự nghiệp hỗ trợ cho các hoạt động trên địa bàn xã: 146.187 triệu đồng (chiếm 28,19%)

**B. Nguồn vốn**

1. Vốn từ Ngân sách nhà nước: 296.271 triệu đồng, chiếm 57,13%; trong đó:
  - + Vốn Nông thôn mới: 133.513 triệu đồng, chiếm 25,74%.
  - + Vốn lồng ghép: 162.758 triệu đồng, chiếm 31,38%; chia ra:
    - \* Vốn ngân sách tập trung: 153.871 triệu đồng;
    - \* Vốn phân cấp huyện: 0 triệu đồng;
    - \* Vốn sự nghiệp: 8.887 triệu đồng (dự kiến bố trí thực hiện từ nguồn vốn sự nghiệp hàng năm của các ngành).
2. Vốn cộng đồng đóng góp: 169.335 triệu đồng, chiếm 32,65%; trong đó:
  - + Vốn dân: 129.283 triệu đồng;
  - + Vốn doanh nghiệp: 40.052 triệu đồng;
3. Vốn vay tín dụng: 53.000 triệu đồng, chiếm 10,22%.
  - \* Vốn đầu tư các nguồn được xác định cụ thể theo chương trình, dự án được cấp thẩm quyền phê duyệt.

**Phần III**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1. Thời gian thực hiện đề án:** từ nay đến năm 2015.

**2. Quy mô và khối lượng thực hiện:** theo các biểu đính kèm.

**3. Phương châm và nguyên tắc đầu tư, hỗ trợ**

- Phát huy nội lực của địa phương là chính, đảm bảo sử dụng có hiệu quả nguồn lực từ sự hỗ trợ của Trung ương và Thành phố, đáp ứng nhu cầu đầu tư, giúp đỡ của các doanh nghiệp.

- Phát huy dân chủ, công khai trong cộng đồng dân cư, khẩn trương, đồng bộ và chặt chẽ trong thủ tục hành chính và đầu tư.

a) Cơ chế huy động và quản lý các nguồn vốn

- Thực hiện theo Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

- Thực hiện theo Quyết định số 695/QĐ-TTg ngày 08 tháng 6 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi nguyên tắc cơ chế hỗ trợ vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

- Thực hiện theo Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC, ngày 13 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ.

- Thực hiện theo Thông tư số 28/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 02 năm 2012 của Bộ Tài chính Quy định về quản lý vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách xã, phường, thị trấn.

- Thực hiện Thông tư số 72/2010/TT-BTC ngày 11 tháng 5 năm 2010 của Bộ Tài chính Quy định về quản lý sử dụng chi phí quản lý dự án đầu tư tại 11 xã thực hiện Đề án “Chương trình xây dựng thí điểm mô hình nông thôn mới thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa”;

- Thực hiện theo Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Chương trình mục tiêu về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020;

- Thực hiện theo Quyết định số 15/2013/QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Quy định cơ chế quản lý đầu tư và xây dựng, quản lý nguồn vốn đầu tư tại các xã thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, giai đoạn 2013 - 2020.

b) Quản lý đầu tư và xây dựng

- Thực hiện theo Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ, phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

- Thực hiện theo Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC, ngày 13 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ

Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ.

- Thực hiện theo Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Chương trình mục tiêu về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020;

- Thực hiện theo Quyết định số 15/2013/QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Quy định cơ chế quản lý đầu tư và xây dựng, quản lý nguồn vốn đầu tư tại các xã thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, giai đoạn 2013 - 2020;

- Căn cứ Quyết định số 20/2013/QĐ-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành cơ chế hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020.

#### **4. Phân công thực hiện**

a) Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn, Ủy ban nhân dân xã Bà Điểm, Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Hóc Môn và Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Bà Điểm:

- Tập trung triển khai các hoạt động tuyên truyền, vận động nhân dân, Đảng viên, cán bộ, ng chức quán triệt chủ trương của Trung ương và thành phố về chương trình xây dựng mô hình nông thôn mới tại xã; vận động cơ sở sản xuất kinh doanh, các doanh nghiệp và nhân dân tích cực hưởng ứng tham gia và đóng góp hỗ trợ để thực hiện các tiêu chí quốc gia về nông thôn mới trên địa bàn xã.

- Thực hiện theo đúng nội dung của Đề án được phê duyệt, không được thay đổi nội dung của Đề án khi chưa được chấp thuận của Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới thành phố và Ủy ban nhân dân thành phố.

- Phân công các phòng ban, đơn vị chức năng của huyện, cán bộ chuyên môn của xã tham gia, hỗ trợ Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Bà Điểm xây dựng kế hoạch tổng thể thực hiện đề án giai đoạn 2012 -2015, xây dựng kế hoạch cụ thể từng năm đảm bảo tiến độ và mục tiêu, nhiệm vụ thực hiện các tiêu chí quốc gia về nông thôn mới.

- Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới theo đúng quy định hướng dẫn của pháp luật hiện hành.

b) Các Sở, ngành thành viên Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố:

- Phân công cán bộ công chức theo dõi, hướng dẫn, hỗ trợ Ban quản lý xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã Bà Điểm huyện Hóc Môn chuẩn bị và thực hiện, đảm bảo tiến độ thực hiện các tiêu chí của ngành trên địa bàn xã.

- Chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện các chương trình mục tiêu của Trung ương và Thành phố do Sở, ngành phụ trách trên địa bàn xã.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì hướng dẫn Ủy ban nhân dân xã Bà Điểm và Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã Bà Điểm triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới theo Đề án được phê duyệt.

- Sở Quy hoạch - Kiến trúc hướng dẫn, hoàn tất thẩm định quy hoạch chung, quy hoạch chuyên ngành, quy hoạch hạ tầng thiết yếu (theo phân công, phân cấp) của huyện Hóc Môn và xã Bà Điểm; tổ chức giám sát việc công bố, công khai các quy hoạch được phê duyệt.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, các Sở ngành liên quan, Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn, Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Bà Điểm cân đối, đề xuất và dự thảo văn bản trình Ủy ban nhân dân thành phố giải quyết và bố trí vốn ngân sách tập trung, vốn phân cấp hàng năm (2013 -2015), đảm bảo tiến độ đầu tư, hoàn thành các tiêu chí về hạ tầng kinh tế - xã hội trên địa bàn xã Bà Điểm.

- Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Kho bạc nhà nước, các Sở ngành liên quan, Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn và Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã Bà Điểm, đề xuất và dự thảo văn bản trình Ủy ban nhân dân thành phố bổ sung, giao kế hoạch kinh phí sự nghiệp chi thường xuyên để thực hiện các hoạt động, đảm bảo tiến độ thực hiện các tiêu chí quốc gia về nông thôn mới trên địa bàn xã Bà Điểm.

c) Tổ công tác giúp việc Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các chương trình, dự án, các tiêu chí quốc gia về nông thôn mới trên địa bàn xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn; định kỳ hàng tháng báo cáo Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố, Thường trực Ủy ban nhân dân thành phố kết quả thực hiện; tham mưu, đề xuất, giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện; chuẩn bị hồ

---

sơ, tài liệu để thành phố tổ chức sơ kết hàng năm, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện xây dựng xã nông thôn mới trên địa bàn thành phố./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Mạnh Hà**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4722/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 8 năm 2013*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Tổ công tác chỉ đạo  
và Tổ chuyên viên giúp việc Tổ công tác chỉ đạo thực hiện Đề án  
số hóa tài liệu Kho Lưu trữ của Chi cục Văn thư - Lưu trữ  
Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 1 (2013 - 2015)**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 3239/QĐ-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc thành lập Tổ công tác chỉ đạo thực hiện Đề án số hóa tài liệu Kho Lưu trữ của Chi cục Văn thư - Lưu trữ Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 1 (2013 - 2015);

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 608/TTr-SNV ngày 01 tháng 8 năm 2013,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của Tổ công tác chỉ đạo và Tổ chuyên viên giúp việc Tổ công tác chỉ đạo thực hiện Đề án số hóa tài liệu Kho Lưu trữ của Chi cục Văn thư - Lưu trữ Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 1 (2013 - 2015).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở - ngành có liên quan, Chi cục trưởng Chi cục Văn thư - Lưu trữ, Thành viên Tổ công tác chỉ đạo và Tổ chuyên viên giúp việc Tổ công tác chỉ đạo thực



---

hiện Đề án số hóa tài liệu Kho Lưu trữ của Chi cục Văn thư - Lưu trữ Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 1 (2013 - 2015) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Hứa Ngọc Thuận**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY CHẾ**

**Tổ chức và hoạt động của Tổ công tác chỉ đạo và Tổ chuyên viên giúp việc  
Tổ công tác chỉ đạo thực hiện Đề án số hóa tài liệu Kho Lưu trữ của Chi cục  
Văn thư - Lưu trữ Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 1 (2013 - 2015)**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 4722/QĐ-UBND*

*ngày 30 tháng 8 năm 2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)*

### **Chương I**

#### **QUY ĐỊNH CHUNG**

##### **Điều 1. Phạm vi, đối tượng điều chỉnh**

1. Quy chế này quy định nguyên tắc, nhiệm vụ, chế độ làm việc, quan hệ công tác và chế độ tài chính của Tổ công tác chỉ đạo thực hiện Đề án số hóa tài liệu Kho Lưu trữ của Chi cục Văn thư - Lưu trữ Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 1 (2013 - 2015) (sau đây viết tắt là Tổ công tác) và Tổ Chuyên viên giúp việc (sau đây viết tắt là Tổ chuyên viên).

2. Quy chế này áp dụng đối với các thành viên Tổ công tác, Tổ chuyên viên và các Sở, ban, ngành có liên quan đến triển khai thực hiện Đề án số hóa tài liệu Kho Lưu trữ của Chi cục Văn thư - Lưu trữ giai đoạn 1 (2013 - 2015)

##### **Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổ công tác**

1. Nhiệm vụ của Tổ công tác được quy định tại Điều 2 của Quyết định số 3239/QĐ-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố về thành lập Tổ công tác chỉ đạo thực hiện Đề án số hóa tài liệu Kho Lưu trữ của Chi cục Văn thư - Lưu trữ Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 1 (2013 - 2015);

2. Tổ công tác hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm, có trách nhiệm tham mưu giúp Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo và tổ chức thực hiện Đề án số hóa tài liệu Kho Lưu trữ của Chi cục Văn thư - Lưu trữ Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 1 (2013 - 2015);

3. Căn cứ các quy định hiện hành và tình hình thực tế để nghiên cứu, xây dựng

kế hoạch thực hiện ngắn hạn, dài hạn, hàng năm; lập phương án mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác số hóa tài liệu;

4. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo xử lý kịp thời các vấn đề liên quan đến thực hiện Đề án số hóa tài liệu Kho Lưu trữ của Chi cục Văn thư - Lưu trữ;

5. Trong quá trình hoạt động, Tổ trưởng Tổ công tác được sử dụng con dấu của Ủy ban nhân dân thành phố; Tổ phó Tổ công tác được sử dụng con dấu của cơ quan mình quản lý.

### **Điều 3. Nhiệm vụ của Tổ chuyên viên**

1. Tổ chuyên viên tham gia các hoạt động chung của Tổ công tác và thực hiện nhiệm vụ do Tổ công tác giao; giúp Tổ công tác tổng hợp, xử lý và giải quyết các vấn đề có liên quan trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ của Tổ công tác;

2. Giúp Tổ công tác xây dựng Kế hoạch và các chương trình công tác liên quan đến công tác số hóa tài liệu;

3. Giúp Tổ công tác triển khai, kiểm tra và giám sát thực hiện các chương trình, kế hoạch của Tổ công tác; tổ chức các hội nghị, hội thảo; tổng hợp và đề xuất Tổ công tác các kế hoạch thực hiện ngắn hạn và dài hạn, kế hoạch hoạt động hàng năm của Tổ công tác;

4. Giúp Tổ công tác tổ chức phối hợp với các cơ quan chức năng liên quan để triển khai thực hiện các nhiệm vụ cụ thể của Tổ công tác;

5. Chủ động nắm bắt các thông tin liên quan đến các hoạt động nghiên cứu phục vụ cho công tác số hóa tài liệu, đồng thời đề xuất Tổ công tác thực hiện các biện pháp nhằm thực hiện có hiệu quả công tác số hóa tài liệu;

6. Tham gia các cuộc họp thường xuyên, đột xuất, sơ kết công tác số hóa tài liệu theo sự phân công của Tổ công tác;

### **Điều 4. Trụ sở hoạt động của Tổ công tác**

Trụ sở Cơ quan thường trực Tổ công tác đặt tại Sở Nội vụ, số 86B Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1.

## **Chương II**

### **TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ**

#### **Điều 5. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổ trưởng Tổ công tác**

1. Quản lý và điều hành Tổ công tác thực hiện các nhiệm vụ được giao.
2. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên Tổ công tác và Tổ trưởng Tổ chuyên viên giúp việc;
3. Xem xét và quyết định chương trình, kế hoạch công tác, phương án liên quan đến Đề án số hóa tài liệu; triệu tập, chủ trì và kết luận các cuộc họp của Tổ công tác;
4. Đề ra mục tiêu, định hướng và giải pháp cho kế hoạch hàng năm của Tổ công tác và Tổ chuyên viên;
5. Thay mặt Tổ công tác ký các văn bản đề xuất, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố.

#### **Điều 6. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổ phó Tổ công tác**

1. Giúp Tổ trưởng điều hành hoạt động của Tổ công tác khi Tổ trưởng vắng mặt;
2. Chỉ đạo việc lập kế hoạch công tác của Tổ công tác, tổ chức các cuộc họp, làm việc của Tổ công tác theo định kỳ và đột xuất;
3. Chủ động chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện chương trình, kế hoạch, phương án số hóa; xem xét và đề xuất các giải pháp để thực hiện việc số hóa đạt hiệu quả cao và thiết thực;
4. Xem xét, thẩm định, điều hành, triển khai các chương trình, kế hoạch công tác của Tổ công tác;
5. Tổng hợp, báo cáo các hoạt động của Tổ công tác theo định kỳ và đột xuất theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân thành phố và Tổ trưởng;
6. Theo dõi, đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện Quy chế và toàn bộ các hoạt động của Tổ công tác và Tổ chuyên viên;
7. Chịu trách nhiệm về các nhiệm vụ được phân công trước pháp luật, Ủy ban nhân dân thành phố và Tổ trưởng;

#### **Điều 7. Nhiệm vụ và quyền hạn của các thành viên Tổ công tác**

Các thành viên của Tổ công tác là đại diện của các Sở, ban, ngành liên quan có trách nhiệm tham gia các buổi họp của Tổ công tác, thực hiện các nhiệm vụ do Tổ trưởng hoặc Tổ phó Tổ công tác giao và tham mưu, đề xuất các vấn đề liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình.

#### **Điều 8. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổ trưởng Tổ chuyên viên**

1. Chịu trách nhiệm quản lý, điều hành trực tiếp Tổ chuyên viên để thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Tổ chuyên viên do Tổ trưởng và Tổ phó Tổ công tác giao;
2. Chịu trách nhiệm trước Tổ công tác về kết quả hoạt động của Tổ chuyên viên trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Tổ chuyên viên;
3. Xây dựng kế hoạch công tác, chuẩn bị nội dung, chương trình các cuộc họp, hội nghị, hội thảo và các báo cáo của Tổ công tác, hướng dẫn, đôn đốc công việc của thành viên Tổ chuyên viên; tổng hợp đánh giá công tác thực hiện;
4. Được tham gia các cuộc họp của Tổ công tác và sau mỗi phiên họp Tổ trưởng Tổ chuyên viên có trách nhiệm tổng hợp thành biên bản và thông báo kết luận cuộc họp đến các thành viên Tổ công tác và các đơn vị liên quan;
5. Chủ trì các phiên họp của Tổ chuyên viên;
6. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Tổ công tác phân công.

#### **Điều 9. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổ phó Tổ chuyên viên**

1. Giúp việc cho Tổ trưởng Tổ chuyên viên thực hiện các chức năng và nhiệm vụ của Tổ chuyên viên và phụ trách một số lĩnh vực công tác thuộc chức năng và nhiệm vụ của Tổ chuyên viên;
2. Giúp Tổ trưởng điều hành các hoạt động của Tổ chuyên viên; thay mặt Tổ trưởng điều hành các cuộc họp của Tổ chuyên viên khi Tổ trưởng vắng mặt;
3. Giúp Tổ trưởng lập kế hoạch công tác hàng năm cho Tổ công tác và Tổ chuyên viên; chuẩn bị nội dung, chương trình các cuộc họp, hội nghị, hội thảo và các báo cáo của Tổ công tác chỉ đạo; hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra công việc của thành viên Tổ chuyên viên đã được giao;
4. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Tổ trưởng Tổ chuyên viên phân công.

#### **Điều 10. Nhiệm vụ của các thành viên Tổ chuyên viên**

1. Chịu trách nhiệm tham mưu cho Tổ công tác và Tổ chuyên viên xây dựng kế hoạch và triển khai các công việc thuộc lĩnh vực quản lý của đơn vị mình;
2. Chịu sự phân công công việc và điều hành trực tiếp của Tổ trưởng và Tổ phó Tổ công tác, thành viên Tổ công tác phụ trách lĩnh vực cùng đơn vị, Tổ trưởng và Tổ phó Tổ chuyên viên;
3. Chủ động thực hiện các nhiệm vụ thuộc chức năng và nhiệm vụ chung của Tổ chuyên viên có liên quan đến lĩnh vực đơn vị mình quản lý và các công việc được phân công;

4. Chịu trách nhiệm báo cáo với thành viên Tổ công tác, Tổ chuyên viên định kỳ và đột xuất về tiến trình, tiến độ và kết quả thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến lĩnh vực đơn vị mình quản lý;

5. Chịu trách nhiệm báo cáo với thành viên Tổ công tác phụ trách lĩnh vực cùng đơn vị về kết quả các cuộc họp, các hoạt động của Tổ chuyên viên và các công việc được phân công.

### **Chương III**

## **CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ QUAN HỆ CÔNG TÁC**

### **Điều 11. Nguyên tắc làm việc của Tổ công tác và Tổ chuyên viên**

1. Tổ công tác và Tổ chuyên viên làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, đảm bảo phát huy vai trò lãnh đạo của tập thể, đồng thời đề cao trách nhiệm cá nhân của người đứng đầu Tổ công tác, Tổ chuyên viên. Các thành viên thảo luận, đóng góp ý kiến, Tổ trưởng kết luận;

2. Thành viên Tổ công tác và Tổ chuyên viên làm việc theo chế độ kiêm nhiệm, chịu trách nhiệm cá nhân đối với lĩnh vực được giao và tuân thủ các quy định tại Quy chế này;

3. Bảo đảm yêu cầu phối hợp công tác, trao đổi thông tin trong giải quyết công việc và mọi hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao;

4. Bảo đảm dân chủ, rõ ràng, minh bạch và hiệu quả trong mọi hoạt động.

### **Điều 12. Chế độ làm việc**

1. Chế độ làm việc của Tổ công tác:

a) Tổ công tác họp giao ban định kỳ, một quý một lần, có sơ kết đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ của Tổ công tác. Tổ chức họp bất thường khi có yêu cầu của Ủy ban nhân dân thành phố hoặc của Tổ trưởng;

b) Thành viên Tổ công tác có trách nhiệm tham gia đầy đủ các cuộc họp của Tổ công tác, trường hợp không tham dự cuộc họp, thành viên Tổ công tác ủy quyền cho 01 cán bộ có trách nhiệm họp thay và phải chịu trách nhiệm về ý kiến của người được ủy quyền; thực hiện các công việc do Tổ trưởng hoặc Tổ phó Tổ công tác phân công.

2. Chế độ làm việc của Tổ chuyên viên:

a) Tổ chuyên viên hoạt động dựa trên nguyên tắc tập trung dân chủ, phát huy trí

tuệ tập thể và thực hiện theo kết luận của Tổ trưởng hoặc Tổ phó Tổ chuyên viên (khi được Tổ trưởng ủy quyền) trong các cuộc họp Tổ chuyên viên. Các thành viên của Tổ chuyên viên chịu trách nhiệm trực tiếp về việc thực hiện nhiệm vụ, công tác được giao;

b) Tổ chuyên viên giúp việc họp định kỳ 1 quý 2 lần để đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ và triển khai các kế hoạch tiếp theo; trong trường hợp cần thiết, Tổ trưởng có thể triệu tập họp bất thường;

c) Đảm bảo tất cả các cuộc họp Tổ công tác đều có thành viên Tổ chuyên viên giúp việc tham dự.

### **Điều 13. Chế độ báo cáo**

1. Định kỳ 6 tháng và hàng năm Tổ công tác báo cáo tình hình hoạt động của Tổ công tác cho Ủy ban nhân dân thành phố;

2. Báo cáo đột xuất được thực hiện khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi cần;

3. Tổ trưởng Tổ công tác: Thay mặt Tổ công tác báo cáo định kỳ và đột xuất toàn bộ hoạt động của Tổ công tác cho Ủy ban nhân dân thành phố;

4. Tổ phó Tổ công tác: Thay mặt Tổ công tác (theo nhiệm vụ quyền hạn được Tổ trưởng phân công) tổng hợp và báo cáo định kỳ và đột xuất các hoạt động của Tổ công tác và Tổ chuyên viên trình Tổ trưởng;

5. Các thành viên Tổ công tác: Tổng hợp, báo cáo định kỳ và đột xuất tình hình thực hiện các công việc do Tổ trưởng và Tổ phó Tổ công tác giao;

6. Các thành viên Tổ chuyên viên có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ được phân công, những vấn đề phát sinh để Tổ trưởng Tổ chuyên viên ghi nhận, tổng hợp và trình Tổ công tác.

### **Điều 14. Chế độ theo dõi, đôn đốc và kiểm tra**

Tùy theo nhiệm vụ công tác từng giai đoạn, Tổ trưởng hoặc Tổ phó Tổ công tác tổ chức kiểm tra đánh giá kết quả hoạt động chung của Tổ công tác và các thành viên.

### **Điều 15. Môi quan hệ của Tổ công tác**

1. Đối với Ủy ban nhân dân thành phố: Tổ công tác chịu sự chỉ đạo trực tiếp, toàn diện, có trách nhiệm thực hiện chế độ thông tin báo cáo kịp thời và đề xuất, tham mưu những vấn đề liên quan đến công tác số hóa tài liệu;

2. Đối với các Sở-ngành có liên quan: Tổ công tác có trách nhiệm phối hợp, hỗ trợ triển khai thực hiện nhiệm vụ; tổng hợp, báo cáo kịp thời tình hình triển khai nhiệm vụ cho Ủy ban nhân dân thành phố.

## **Chương IV**

### **CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH**

#### **Điều 16. Kinh phí hoạt động thường xuyên của Tổ công tác và Tổ chuyên viên**

1. Nguồn kinh phí hoạt động: Ngân sách thành phố trong dự toán giao hàng năm cho hoạt động của Chi cục Văn thư - Lưu trữ (kinh phí thực hiện không tự chủ);

2. Nội dung chi: Chi bồi dưỡng kiêm nhiệm; chi hội họp, hội nghị, tập huấn, hội thảo, thông tin liên lạc, dịch thuật, văn phòng phẩm, tài liệu chuyên môn và một số nội dung chi khác theo quy định.

#### **Điều 17. Kinh phí thực hiện công tác số hóa tài liệu Kho Lưu trữ của Chi cục Văn thư - Lưu trữ Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 1 (2013 - 2015)**

1. Nguồn kinh phí: Ngân sách thành phố trong dự toán giao hàng năm cho hoạt động của Chi cục Văn thư - Lưu trữ (kinh phí thực hiện không tự chủ);

2. Nội dung chi: Chi mua sắm thiết bị, máy móc để số hóa tài liệu; chi mua phần mềm quản lý lưu trữ; chi thuê mướn nhân công thực hiện số hóa tài liệu và một số nội dung chi khác theo quy định.

#### **Điều 18. Nhân sự phụ trách tài chính**

Tổ công tác và Tổ chuyên viên triển khai thực hiện Đề án số hóa tài liệu Kho Lưu trữ của Chi cục Văn thư - Lưu trữ Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 1 (2013 - 2015) được sử dụng Kế toán của Chi cục Văn thư - Lưu trữ, Sở Nội vụ để làm kế toán kiêm nhiệm.

## **Chương V**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 19.** Tổ trưởng, Tổ phó, các thành viên Tổ công tác và Tổ trưởng, Tổ phó, các thành viên Tổ chuyên viên chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy chế này.

**Điều 20.** Trong quá trình thực hiện, nếu xét thấy cần thiết, Tổ công tác kiến nghị



---

Ủy ban nhân dân thành phố điều chỉnh, sửa đổi bổ sung Quy chế cho phù hợp với quy định của pháp luật và yêu cầu thực hiện nhiệm vụ được giao./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Hứa Ngọc Thuận**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4737/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 8 năm 2013*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về chấm dứt hiệu lực thi hành Quyết định số 49/2000/QĐ-UB-VX  
ngày 10 tháng 8 năm 2000 và Quyết định số 54/2006/QĐ-UBND  
ngày 10 tháng 4 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 27/2013/QĐ-UBND ngày 05 tháng 8 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố về thực hiện Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2013 - 2014 đến năm học 2014 - 2015 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Sở Giáo dục và Đào tạo tại Công văn số 2526/GDĐT-KHTC ngày 02 tháng 8 năm 2013 và ý kiến đề xuất của Sở Tài chính tại Công văn số 8230/STC-HCSN ngày 23 tháng 8 năm 2013 về việc xin chủ trương thực hiện hướng dẫn thu chi học phí và các khoản thu khác từ năm học 2013 - 2014,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay chấm dứt hiệu lực thi hành Quyết định số 49/2000/QĐ-UB-VX ngày 10 tháng 8 năm 2000 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc cho phép thực hiện các khoản thu, chi học phí, tiền cơ sở vật chất và thu khác của ngành giáo dục và đào tạo thành phố từ năm học 2000 - 2001 và Quyết định số 54/2006/QĐ-UBND ngày 10 tháng 4 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt Kế hoạch chuyển đổi các Trường bán công Mầm non, Phổ thông sang công lập.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Thủ trưởng các Sở, ngành thành phố và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Hứa Ngọc Thuận**

---

**VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: [tcb.ubnd@tphcm.gov.vn](mailto:tcb.ubnd@tphcm.gov.vn)

Website: [www.congbao.hochiminhcity.gov.vn](http://www.congbao.hochiminhcity.gov.vn)

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng